#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 909

Năm báo cáo 2013

1. THÔNG TIN CHUNG:
   1. Thông tin khái quát:

Tên công ty: Công ty cổ phần Sông Đà 909

Tên giao dịch bằng tiếng anh: SongDa 909 Jont Stock Company.

Tên viết tắt: Songda909., JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 07 năm 2013;

Biểu tượng (logo) của Công ty :



SERINTEC

Vốn điều lệ : 124.969.290.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 124.969.290.000 VND

Địa chỉ: Lô C14, Ô Đ21, KĐT mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Số điện thoại: 04 3768 4495 Số fax: 04 3768 4490

Website: https//songda909.vn

Mã cổ phiếu: S99

* 1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Sông Đà 909 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 903 - thuộc Công ty Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà (Xí nghiệp Sông Đà 903 được thành lập theo Quyết định số 15 CT/TCHC ngày 20/11/1998 của Giám đốc Công ty Sông Đà 9).

Sau gần 5 năm hoạt động, Xí nghiệp Sông Đà 903 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần, theo Quyết định số 995/QĐ-BXD ngày 25/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v: chuyển Xí nghiệp Sông Đà 903 thuộc Công ty Sông Đà 9, thành Công ty cổ phần Sông Đà 909, với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 3 tỷ đồng.

Quá trình hoạt động và phát triển, Công ty cổ phần Sông Đà 909 đã đảm nhận thi công nhiều công trình công nghiệp và dân dụng trên khắp mọi miền đất nước như: Xây dựng các nhà máy thuỷ điện Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Sê San3, Playkrông; công trình đường Hồ Chí Minh, đường quốc lộ 1A, Công trình bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp cơ sở 2 Hải Phòng....Đầu tư các dự án khu đô thị như: dự án khu đất Tân Vạn tại tỉnh Đồng Nai, dự án cải tạo khu Vĩnh Hồ, khu Ngọc Khánh tại thành phố Hà Nội...Thành lập Trung tâm xuất khẩu lao động tại Hà Đông tỉnh Hà Tây cũ. Ngoài ra, công ty còn tham gia đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ như Văn phòng cho thuê, khách sạn nhà hàng cao cấp, đầu tư chứng khoán...

Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ cùng với phát triển mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh qua các năm như sau:

Năm 2003: Vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 3.000.000.000 đồng, chứng nhận ĐKKD số 0103002768 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 19/8/2003.

Năm 2006: Ngày 22/12/2006 niêm yết và chính thức giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 909 (Mã S99) tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 67/QĐ-TTGDHN ngày 06/12/2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Năm 2007: Tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng và chia thành 02 đợt như sau :

Đợt 1: Tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 5.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000680 do Sở KHĐT Hà Tây cấp ngày 29/03/2007 (đổi chứng nhận ĐKKD từ số 0103002768 do chuyển trụ sở từ Hà Nội sang Hà Tây)

Đợt 2: Tăng vốn điều lệ từ 5.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 28/12/2007 (đổi chứng nhận ĐKKD số 0303000680 do chuyển trụ sở từ Hà Tây sang Hà Nội)

Năm 2009: Tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên 44.497.400.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 01/06/2009.

Năm 2010: Tăng vốn điều lệ từ 44.497.400.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 14/06/2010 (chuyển từ ĐKKD số 0103021586 sang ĐKKD Mã số 0101405355).

Năm 2011: Tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 99.989.600.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 01/03/2011.

Năm 2012: Tăng vốn điều lệ từ 99.989.600.000 đồng lên 124.969.290.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 16/08/2012 và thay đổi lần thứ 7 ngày 22/01/2013.

Năm 2013: Chuyển địa điểm trụ sở chính từ Tầng 9 tòa nhà Sông Đà, xã Mỹ Đình, quận Từ Liêm, Tp Hà Nội sang địa chỉ mới: Lô C14, Ô Đ21, KĐT mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội; theo đó thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 9 ngày 29/07/2013.

* 1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:
* *Ngành nghề kinh doanh:*

|  |
| --- |
| * Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thuỷ điện, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại; |
| * Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; |
| * Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác; |
| * Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng; |
| * Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; |
| * Kinh doanh vận tải hàng hoá; |
| * Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê; |
| * Kinh doanh bất động sản; |
| * Đầu tư xây dựng các nhà máy thuỷ điện, quản lý vận hành nhà máy thuỷ điện, bán điện; |
| * Sửa chữa ô tô, các loại máy xây dựng. Gia công cơ khí, sản xuất kinh doanh phụ tùng ô tô, máy xây dựng; |
| * Nuôi trồng, chế biến nông lâm thuỷ hải sản, thực phẩm (trừ loại nhà nước cấm); |
| * Chuyển giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; |
| * Hoạt động xuất khẩu lao động; |
| * Kinh doanh dịch vụ Bất động sản: * Dịch vụ sàn giao dịch Bất động sản; * Dịch vụ môi giới Bất động sản (chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty); * Dịch vụ định giá Bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty); * Dịch vụ tư vấn Bất động sản; * Dịch vụ Đấu giá Bất động sản; * Dịch vụ quảng cáo Bất động sản; * Dịch vụ quản lý Bất động sản. |

* *Địa bàn kinh doanh:*

Trong các năm qua, công ty đã tham gia thi công tại các công trình sau: Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La (tỉnh Sơn La), thủy điện Nậm Chiến (tỉnh Sơn La) thủy điện Plêykrông (tỉnh Kontum), thủy điện Sê San 4 (tỉnh Gia Lai), đường giao thông tỉnh Tuyên Quang, tuyến Cáp quang đường HCM, Đường QL1 Hà Nội - Bắc Ninh, Đường Pháp Vân - Cầu giẽ, công trình Cống hộp Mỹ Đình-Hà Nội, Đường mòn Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế, Đường cao tốc Nội Bài - Vĩnh Yên, Công trình Thủy điện Lai Châu (tỉnh Lai Châu), Công trình đường 127- đường tránh ngập vào thuỷ điện Lai châu, Công trình đường Nam Quảng Nam (tỉnh Quảng Nam), công trình Bệnh viện Việt Tiệp cơ sở 2 giai đoạn 1(Hải Phòng) và nhiều công trình khác.

Trong năm 2014, Công ty đang thi công các công trình chủ yếu là: Công trình Nhà máy Thuỷ điện Lai Châu (tỉnh Lai Châu) và công trình Bệnh viện Việt Tiệp cơ sở 2 giai đoạn 1 (thành phố Hải Phòng).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

* 1. Mô hình quản trị công ty gồm:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền**.**

**Hội đồng quản trị** (HĐQT)**:**

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số thành viên của HĐQT gồm 05 (năm) thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

**Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 (ba) thành viên.

Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc do HĐQT tuyển dụng, bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Số thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty bao gồm 02 người: 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

* 1. Cơ cấu bộ tổ chức máy quản lý:

Công ty có 5 phòng chuyên môn chức năng: Văn phòng Tổng hợp, Phòng Quản trị Nhân Sự, Phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Kinh tế-Vật Tư và Phòng Kỹ Thuật dự án & Quản lý Cơ giới;

Có 2 đơn vị hạch toán trực thuộc: Xí nghiệp I, Chi nhánh Công ty - Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế;

Có 2 đội công trình là Đội Tổng hợp số 4, Đội Tổng hợp số 8;

Có 1 Công ty con: Công ty CP Sông Đà Hồng Lĩnh.

Trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định số 65/S99-HĐQT-QĐ ngày 23 tháng 12 năm 2013 v/v dừng đầu tư các dự án nhà ở Ngọc Khánh, dự án nhà ở Vĩnh hồ và giải thể Ban quản lý các DA Hà Nội.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

XÍ NGHIỆP I -

TẠI LAI CHÂU

CNCT- TRUNG TÂM C.Ứ NHÂN LỰC QUỐC TẾ

ĐỘI XÂY LẮP

SỐ 1

ĐỘI XÂY LẮP

SỐ 2

ĐỘI TỔNG HỢP

SỐ 4

ĐỘI TỔNG HỢP

SỐ 8

ĐẠI HỘI ĐỒNG

CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM

SOÁT

HỘI ĐỒNG

QUẢN TRỊ

BAN TỔNG

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG

TỔNG HỢP

P.QUẢN TRỊ-

NHÂN SỰ

P.TÀI CHÍNH-

KÊ TOÁN

P.KINH TẾ -

VẬT TƯ

P.KỸ THUẬT

VÀ QL CƠ GIỚI

CÔNG TY CON:

1. CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ HỒNG LĨNH

***\* Các phòng ban chức năng của Công ty:***

- Văn phòng Tổng hợp:

Là đầu mối trực tiếp truyền đạt chỉ đạo chung của Hội Đồng Quản trị và ban Tổng Giám Đốc tới các phòng ban, đơn vị, đội trực thuộc Công ty, và chiều hướng ngược lại. Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ công văn, tài liệu, hồ sơ cán bộ công nhân viên và công tác hành chính phục vụ công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; thay mặt Tổng Giám đốc Công ty giám sát việc tuân thủ quy tắc, nội quy làm việc tại văn phòng Công ty, các quy chế, quy định liên quan đến các lĩnh vực phòng phụ trách hoặc tham gia phụ trách; quản lý nhà cửa, mua sắm và quản lý trang thiết bị văn phòng, xe con phục vụ trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại cơ quan Công ty.

- Phòng Quản trị Nhân sự:

Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu hoạt động và chiến lược của Công ty; tổ chức và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo; tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức nhân sự; hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa Ban Tổng Giám đốc và người lao động trong Công ty.

- Phòng Kinh tế Vật tư:

Tham mưu, thực hiện, giám sát, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến công tác Kinh tế, kế hoạch và công tác cung ứng vật tư cơ giới; kiểm soát giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; rà soát với chủ đầu tư và các đơn vị liên quan, lưu trữ hồ sơ; xây dựng chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch phát triển các tuyến mới, phát triển các dịch vụ trên cơ sở kinh doanh hiện tại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của Công ty; nghiên cứu, xây dựng trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn; quản lý thực hiện các loại định mức như định mức lao động, định mức đơn giá tiền lương, các chế độ phụ cấp hiện hành; ...đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu phụ tùng vật tư, nhiên liệu theo yêu cầu của công tác sản xuất, phục vụ công tác sửa chữa xe máy, thiết bị trên cơ sở kế hoạch được HĐQT, Tổng Giám đốc phê duyệt;

- Phòng Kỹ thuật Dự án & Quản lý cơ giới:

Tham mưu, giám sát, thực hiện, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động, quản lý tiếp thị các dự án và công tác Quản lý cơ giới; kiểm soát tiến độ, chất lượng, khối lượng, giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; rà soát, lưu trữ hồ sơ hoàn công các công trình; giúp lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, báo cáo cơ hội đầu tư, quản lý các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào vận hành, khai thác, sử dụng; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các yêu cầu của công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty; tham mưu cho lãnh đạo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác quản lý cơ giới, thiết bị và thanh lý xe máy;

- Phòng Tài chính-Kế toán:

Có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty, tuân theo các quy định chính sách, chế độ hiện hành liên quan.

- Xí nghiệp 1: Là đơn vị trực thuộc, Quản lý toàn bộ công tác sản xuất kinh doanh lĩnh vực thi công xây lắp tại các công trường Thủy điện Sơn La, thủy điện Nậm Chiến và Thuỷ điện Lai Châu, cũng như các công trình khác Công ty đã và đang triển khai thi công.

- Chi nhánh Công ty-Trung tâm CƯNLQT: Là đơn vị thay mặt Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Các Đội Tổng hợp số 4, số 8: Là đội công trình được Công ty thành lập để thay mặt Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trực tiếp tại các công trình.

- Các Đội Xây lắp số 1, số 2: Là các đội công trình được Xí nghiệp I thành lập để thay mặt XN1 thực hiện nhiệm vụ SXKD trực tiếp tại các công trình.

*\* Các công ty con, công ty liên kết:*

Có 1 công ty con là: Công ty cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh

Trụ sở chính tại: Thôn 2, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh

Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chính); Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác...

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ theo cam kết là 51%.

Vốn điều lệ thực góp 7.330.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu vốn thực tế là: 100%.

5. Định hướng phát triển:

A - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

5.1 Công tác Xây Lắp:

*5.1.1 Mục tiêu tiến độ công tác xây lắp:*

* *Công trình thuỷ điện Lai Châu*: Thi công bóc phủ mỏ đá 1B, vận chuyển cấp đá nghiền sàng và các hạng mục công việc khác với tổng khối lượng là 1.217.000m3 đất đá các loại, thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ các hạng mục công trình.
* *Công trình bệnh viện Việt Tiệp tại Hải Phòng*: Trong năm 2014, hoàn thành xây lắp dự án, quyết toán bàn giao cho Chủ đầu tư. Trong quý 1 hoàn thành phần thô nhà hành chính hậu cần, phần hoàn thiện nhà nồi hơi.

*- Công trình mới*: Tìm kiếm thêm công việc làm tại công trình thủy điện Lai Châu và các công trình mới về lĩnh vực xây lắp tại địa bàn các tỉnh để thực hiện.

*5.1.2 Công tác kỹ thuật:*

- *Công trình thủy điện Lai Châu:* Phối hợp làm việc với các đơn vị và Ban A đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt khối lượng biện pháp, dự toán để nghiệm thu thanh toán đường NT8. Nghiệm thu thanh toán khối lượng mỏ 1B và các hạng mục khác.

- *Công trình bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:* Tập trung thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng đã đề ra.

*- Các công trình cũ:* Làm việc với Chủ đầu tư và ký xong quyết toán khối lượng (03) hạng mục tại công trình thủy điện Nậm Chiến; Tập trung làm việc với ban A và các đơn vị để quyết toán dứt điểm các hạng mục còn lại tại công trình thủy điện Sơn La; Làm việc với Tổng công ty Sông Đà quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Tuyên Quang.

*5.1.3 Công tác kinh tế :*

*- Xây dựng, điều chỉnh một số quy chế quy định cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty.*

- *Công trình thủy điện Lai Châu :*

+ Đôn đốc Ban A phê duyệt dự toán một số hạng mục tại công trình thủy điện Lai Châu để thu thu vốn. Thanh toán giá trị mỏ đá 1B giá trị khoảng 12 tỷ đồng.

+ Làm việc với Ban điều hành và các đơn vị Sông Đà 704 và 508 để thu phủ giá trị cấp đá nghiền sàng tại thủy điện Lai Châu theo đơn giá công trình mới ban hành theo công văn số 2099 ngày 23/9/2013 của Chủ đầu tư.

- *Công trình bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:* Thu vốn từng đợt theo điều khoản trong hợp đồng đã ký.

*- Các công trình cũ:*

* *Công trình thủy điện Nậm Chiến :* Làm việc với BĐH thủy điện Sơn La và Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Chiến đôn đốc Chủ đầu tư ban hành đơn giá công trình thi công năm 2012 để quyết toán các hạng mục còn lại.
* *Công trình thủy điện Sơn La :* Tập trung quyết toán các hạng mục còn lại tại công trình này. Phối hợp với Chi nhánh Sông Đà 908 và các đơn vị liên quan quyết toán giá trị các hạng mục đã xong quyết toán khối lượng.
* *Công trình thủy điện Tuyên Quang :* Làm việc với Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Tuyên Quang.

*5.1.4 Công tác thu hồi công nợ:*

Trong năm 2014, công tác thu hồi công nợ được tập trung và bám sát các Chủ đầu tư, Ban điều hành dự án thuỷ điện Sơn La, Lai Châu, Nậm Chiến và các đơn vị nhận cấp đá nghiền sàng SĐ508 và SĐ704 tại công trình thuỷ điện Lai Châu, dứt điểm thu hồi công nợ của Sông Đà 2 và Ban QLDA đường Nam Quảng Nam để thu tiền về phục vụ công tác SXKD của Công ty.

*5.1.5 Công tác cơ giới:*

- Tập trung thực hiện thanh lý các xe máy thiết bị cũ (thanh lý 03 xe phục vụ; 11 xe ô tô Huyndai cũ và 02 máy đào cũ). Nâng cao hệ số sử dụng xe máy thiết bị.

- Tiếp tục kiểm tra rà soát hệ thống các định mức tiêu hao vật tư nhiên liệu của xe máy thiết bị để giảm thiểu chi phí.

- Thực hiện sửa chữa lớn một số xe máy thiết bị theo kế hoạch HĐQT đã đề ra.

5.2 Mục tiêu các dự án đầu tư:

Trong năm 2014, mục tiêu chính của Công ty là tìm kiếm công việc và tập trung nguồn lực vào công tác xây lắp, vì vậy các dự án đầu tư hiện tại của Công ty vẫn chưa được thực hiện, công tác dự án năm 2014 tiếp tục được theo dõi và bám sát các Sở, ban ngành nếu có cơ hội thực hiện thì Công ty xin chủ trương của HĐQT để thực hiện, cụ thể như sau:

*5.2.1 Dự án Tân Vạn:*

Tiếp tục liên hệ các văn phòng đất đai, văn phòng tư vấn tìm phương án sang tên sổ đỏ chuyển nhượng dự án khi có đối tác.

*5.2.3 Dự án mỏ vật liệu tại Nghi Xuân - Hà Tĩnh:*

Trước mắt tạm dừng thực hiện dự án mỏ đá Nhà Lương và tạm dừng xin cấp phép mỏ đất Núi Chua này để tìm kiếm một dự án mỏ đá khác cũng trên địa bàn huyện Nghi Xuân để xin UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp lại (thay thế theo chủ trương của thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Hà Tĩnh tại cuộc họp bàn về việc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh).

*5.2.4 Các dự án khác:*

Tiếp tục liên hệ với Bộ Kế hoạch đầu tư, các Bộ khác và các địa phương xin thông tin các dự án để tham giá đấu thầu.

5.3 Công tác kinh doanh khác:

Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế và sự khan hiếm nguồn vốn như hiện nay, công tác kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản tiếp tục được theo dõi và thực hiện khi có cơ hội và phù hợp với nguồn tài chính để đem lại hiệu quả.

B - Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

*Công tác xây lắp:* Là nhà thầu thi công xây lắp chuyên nghiệp.

*Các dự án đầu tư :*

*1.Dự án Tân Vạn:*

Tiếp tục liên hệ các văn phòng đất đai, văn phòng tư vấn tìm phương án sang tên sổ đỏ chuyển nhượng dự án khi có đối tác.

*2.* *Dự án mỏ vật liệu tại Nghi Xuân - Hà Tĩnh:* Hiện nay, Công ty đang tìm kiếm mỏ vật liệu trên địa bàn huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh với quy mô hợp lý phù hợp để thay thế mỏ đá Nhà Lương do ảnh hưởng đến dự án xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh.

*3. Các dự án khác:* Tiếp tục liên hệ tìm kiếm thông tin các dự án để tham giá đấu thầu.

C - Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy trình, biện pháp thi công đúng với quy định của pháp luật đảm bảo hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng đến môi trường, không ngừng mở rộng quy mô để tạo công ăn việc làm, góp phần phát triển các vùng miền khó khăn, thực hiện các phong trào từ thiện...

6. Các rủi ro:

Sự biến động của kinh tế thế giới, kinh tế trong nước ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Ảnh hưởng của yếu tố toàn cầu:

Sự biến động giá cả của các mặt hàng về nhiên liệu, vật tư phụ tùng và các vật liệu khác phục vụ thi công xây lắp ảnh hưởng rất lớn, làm chi phí đầu vào biến động ảnh hưởng đến quản trị hiệu quả đầu tư.

+ Ảnh hưởng của yếu tố trong nước:

Các chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; cụ thể về lãi suất ngân hàng, chính sách thuế, chính sách đầu tư công của Nhà nước...

Ngoài ra có các rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn...

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013:
   1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2013 là một năm có nhiều khó khăn cho ngành xây lắp, nhưng ngay từ khi xây dựng kế hoạch Công ty đã phân tích và định hướng mục tiêu phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, dừng và giãn các dự án đầu tư, tập trung cho công tác xây lắp, tìm kiếm và bám các công trình dự án mới có kế hoạch nguồn vốn cụ thể; Phân công cụ thể, quyết liệt bám sát chỉ đạo và thực hiện triển khai theo kế hoạch từng tháng, quý... Do vậy kết quả năm 2013 các chỉ tiêu giá trị sản lượng và doanh số đều hoàn thành vượt mức kế hoạch; mặc dù phải bù đắp chi phí theo quyết định dừng các Dự án nhà ở Ngọc Khánh, Dự án nhà ở Vĩnh Hồ nhưng lợi nhuận năm 2013 vẫn còn 3,8 tỷ đồng đạt 107,66 % so với KH năm đề ra.

*Hoạt động thi công xây lắp:*

Công ty đã được Tổng Công ty Sông Đà và Công ty cổ phần Sông Đà 9 giao tham gia thực hiện nhiều phần việc quan trọng trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Nhà máy thủy điện Sơn La, Plêykrông, Sê San 4, Tuyên Quang, Cáp quang đường HCM, Đường QL1 Hà Nội - Bắc Ninh, Đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, Cống hộp Mỹ Đình, Đường Hồ Chí Minh đoạn qua Thừa Thiên Huế, Đường cao tốc Nội Bài - Vĩnh Yên, Công trình Thủy điện Lai Châu, Công trình đường 127- đường tránh ngập vào thuỷ điện Lai Châu, Công trình thủy điện Nậm Chiến, Công trình đường Nam Quảng Nam và nhiều công trình khác.

Trong năm 2013 và hiện nay Công ty đang thi công các công trình chủ yếu là nhà máy Thuỷ điện Lai Châu, công trình Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng.

*Hoạt động đầu tư các dự án:*

Trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội năm 2013 còn nhiều khó khăn, lĩnh vực bất động sản vẫn tiếp tục suy thoái, hoạt động xây dựng trầm lắng kéo theo nhu cầu vật liệu xây dựng suy giảm. Do vậy, các dự án đầu tư của Công ty tiếp tục dừng hoặc giãn tiến độ, chờ thời cơ phù hợp mới xúc tiến đầu tư.

Cụ thể:

+ Đã tạm dừng thực hiện dự án mỏ đá Nhà Lương và mỏ đất Núi Chua theo chủ trương của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Tiếp tục tìm kiếm dự án mỏ vật liệu xây dựng với vị trí và quy mô phù hợp hơn để đầu tư khai thác có sản phẩm đón bắt nhu cầu vật liệu xây dụng khi thị trường xây dựng, bất động sản phục hồi.

+ Tiếp tục theo dõi và tìm phương án chuyển nhượng có hiệu quả đối với Dự án Khu đất Tân Vạn - Đồng Nai.

+ Trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định dừng đầu tư các dự án nhà ở Ngọc Khánh, dự án nhà ở Vĩnh hồ và giải thể Ban quản lý các DA Hà Nội.

*Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm:*

*Một số chỉ tiêu chủ yếu:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2013 | Tỷ lệ % thực hiện năm 2013 | |
| so với kế hoạch năm 2013 | so với thực hiện năm 2012 |
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 106 đ | 126 799 | 102,21 | 109,09 |
| 2 | Doanh thu | 106 đ | 149 617 | 111,65 | 117,75 |
| 3 | Tiền về tài khoản | 106 đ | 149 371 | 110,24 | 141,05 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 106 đ | 3 801 | 107,66 | 143,78 |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | 106 đ | 8 674 | 179,76 | 113,34 |
| 6 | Thu nhập bình quân người /tháng | 103 đ | 6 771 | 103,12 | 105,8 |

# *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách...đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2012.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kê hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình chủ yếu như công trình thủy điện Lai Châu và công trình Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù mặc dù trong năm 2013 phải bù đắp chi phí theo quyết định dừng các Dự án nhà ở Ngọc Khánh, Dự án nhà ở Vĩnh Hồ nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn vượt kế hoạch năm 2013 và có tăng trưởng đáng kể so với năm 2012.

* 1. Tổ chức và nhân sự:

*2.1 Ban điều hành Công ty:*

Chủ tịch Hội đồng quản trị : Ông Phan Văn Hùng

Họ và tên : PHAN VĂN HÙNG

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 28/08/1973

Số CMTND : 012528904 - ngày cấp: 20/08/2002- nơi cấp: CA Tp Hà Nội.

Nơi sinh : tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xuân Viên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : P 110, K11A, phường Bách Khoa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 04 3768 4495

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

*Quá trình công tác:*

1996 - 2000 : Bí thư đoàn trường Đại học Xây dựng Hà Nội

2000 - 2002 : Đội trưởng đội TH số 1 Xí nghiệp Sông Đà 903 - CT Sông Đà 9

2003 – T08/2004 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

2004- T3/2007 : Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

T4/2007- 31/12/2012: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm TGĐ Công ty CP Sông Đà 909.

01/01/2013 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần đang nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2013) : 635.022 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 635.022 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Tổng Giám đốc: Ông Phan Mạnh Hiệp (ủy viên Hội đồng quản trị)

Họ và tên : PHAN MẠNH HIỆP

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 01/5/1975

Số CMND : 013270885 - Ngày cấp: 29/04/2010 - Nơi cấp: CA Tp Hà Nội

Nơi sinh : tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xuân Viên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Tổ 1, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 04 3768 4495

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện

*Quá trình công tác:*

01/1999 - 12/2003 : Kỹ sư điện Xí nghiệp lắp máy và Xây dựng 10.2

3/2004 - 9/2004 : Cán bộ kỹ thuật Đội TH số 4 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

10/2004 - 12/2007 : Đội trưởng Đội TH số 4 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

01/2008 - 01/2008 : Trưởng VP Đại diện tại Hà Nội - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

02/2008 - 12/2012 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Từ 01/2013 đến nay : Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2013) : 22.005 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 22.005 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Phó Tổng giám đốc: Ông Dương Ninh Tùng (ủy viên Hội đồng quản trị)

Họ và tên : DƯƠNG NINH TÙNG

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 24/8/1974

Số CMND : 113105960- Ngày cấp: 20/06/2007- Nơi cấp: CA Tỉnh Hòa Bình

Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Điện phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Tân Thịnh, Thị xã Hòa Bình

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

*Quá trình công tác:*

9/2001 - 3/2004 : Nhân viên phòng đền bù Công ty BOT Cần Đơn - Thanh Hóa - Lộc Bình - Bình Phước

04/2004 - 12/2004 : Nhân viên ban KTKH XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

01/2005 - 11/2008 : Phó Giám Đốc XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

12/2008 - 09/2010 : Giám Đốc XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

10/2010 - 08/2013 : Phó TGĐ Công ty cổ phần Sông Đà 909-kiêm Giám Đốc XN1

Từ 09/2013 - đến nay : Phó TGĐ Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2013) : 14.696 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 14.696 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Kế toán trưởng : Ông Chu Danh Phương

Họ và tên : CHU DANH PHƯƠNG

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 07/1974

Số CMND : 111745766 -Ngày cấp 16/04/2007 - Nơi cấp: CA tỉnh Hà Tây.

Nơi sinh : Ba Vì, Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xóm Lão, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội.

Địa chỉ thường trú : Số 3/56 - Tập thể CTN 101 - Ngõ 85 - Phố Hạ Đình - Phường Thanh Xuân Trung - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0904244610

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

*Quá trình công tác:*

Từ 2001-2003 : Phó Phòng TCKT Công ty Lắp máy & XD số 10 - TCT Lilama

Từ 2004-2005 : Phó phòng TCKT Công ty Lắp máy & XD 692 - TCT Lilama

Từ 2006-2007 : Phó phòng TCKT Công ty CP XM Thăng Long - Quảng Ninh

Từ 01/2008- 07/2009 : Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909 - TCT Sông Đà

Từ T08/2009 - Nay : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909 -TCT Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần đang nắm giữ (tính đến 31/12/2013) : 9.144 cổ phần

Trong đó: Số cổ phần sở hữu cá nhân :9.114 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

*2.2 Thay đổi Ban điều hành trong năm 2013:*

-Tổng Giám đốc: ông Phan Mạnh Hiệp - ủy viên HĐQT, nhận chức Tổng Giám đốc từ 01/01/2013

-Phó Tổng giám đốc: ông Dương Ninh Tùng - Ủy viên HĐQT, thôi kiêm chức Giám đốc Xí nghiệp 1 tại Lai Châu từ tháng 9/2013

*2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và thay đổi chính sách đối với người lao động:*

- Tổng số CBCNV Công ty tính đến ngày 31/12/2013 là : 177 người

*Trong đó:*

Đại học và trên đại học: 52 người.

Cao đẳng, trung cấp : 24 người.

Lái xe, lái máy, thợ sửa chữa: 89 người.

LĐ phổ thông khác(tạp vụ, bảo vệ): 12 người

* Một số công tác tổ chức đã thực hiện được trong năm 2013:
* Sáp nhập Ban Tổ chức hành chính và Ban Cơ giới Xí nghiệp1 thành Ban Quản lý cơ giới và Tổ chức hành chính; Bổ nhiệm Giám đốc xí nghiệp 1. Kiện toàn tổ chức nhân sự Đội TH số 8 thi công CT Việt Tiệp, thực hiện điều động nội bộ nhân sự hợp lý và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
* Năm 2013 Công ty không có kế hoạch tuyển dụng thêm nhân sự, đã thực hiện giảm 39 người. Trong đó 28 người có ký HĐLĐ với Công ty (thanh lý 18, sa thải 08, chuyển công tác 01, hưu trí 01) và 11 lao động thời vụ.
* Công tác đào tạo, huấn luyện đã thực hiện tại các bộ phận, đơn vị trực thuộc tổ chức các lớp tập huấn như Bảo hộ An toàn lao động, phòng chống cháy nổ; tập huấn về BHXH, Công đoàn; Tham gia các khóa học chỉ huy trưởng công trường…
* Công tác chế độ chính sách cho người lao động: Công ty thực hiện báo tăng, giảm lao động kịp thời với cơ quan BHXH theo quy định hiện hành. Đảm bảo quyền lợi đối với CBCNV trong toàn Công ty theo thực tế phát sinh và theo quy định. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm đối với toàn thể CBCNV tại Bện viện xây dựng. Tổ chức thi nâng bậc và chuyển ngạch lương cho 47 CBCNV (Chuyển ngạch lương 01 người, Xét nâng bậc 26 người, Tổ chức thi và nâng bậc 20 người) theo đúng chế độ.
* Tại các đơn vị trực thuộc như XN1, đội TH8: Thực hiện chi trả tiền ăn ca theo quy định cũng như thực hiện các chế độ phụ cấp khu vực đối với LĐ đầy đủ, chu đáo.
  1. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

# *3.1 Các khoản đầu tư lớn:*

# Trong năm Công ty không đầu tư lớn vào các dự án và đầu tư tài chính.

* 1. *Các công ty con, công ty liên kết:*

Từ năm 2011, Công ty đã thành lập Công ty cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh tại xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện dự án khai thác mỏ vật liệu xây dựng tại huyện Nghi Xuân - Hà Tĩnh. Công ty cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh có vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà 909 cam kết góp 51% vốn điều lệ, đến 31/12/2013 đã thực hiện góp 7.330.000.000 đồng.

Trong khi chưa tập trung quyết liệt cho hoạt động thực hiện đầu tư khai thác mỏ vật liệu xây dựng (do tình hình thị trường xây dựng-bất động sản và nhu cầu vật liệu suy giảm), Công ty cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh đã tìm kiếm, tập trung thi công xây lắp và đã hoàn thành thi công các công trình: công trình xây dựng Trụ sở Công ty Cổ Phần Sông Đà 909, công trình Nhà văn hóa xã Xuân Viên và các công trình đường giao thông nông thôn....tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

* 1. Tình hình tài chính:
  2. *Tình hình tài chính:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | % tăng(+) giảm(-) |
| Tổng giá trị tài sản | 212.555.696.826 | 198.079.014.054 | -6,81% |
| Doanh thu thuần | 121.149.160.118 | 139.919.906.696 | +15,5% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 9.350.294.843 | 11.732.691.605 | +25,5% |
| Lợi nhuận khác | (6.706.938.791) | (8.287.974.011) | -23,5% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.643.356.052 | 3.444.717.594 | +30,3% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.146.073.583 | 2.386.416.183 | +11,2% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 |  |

* 1. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Ghi chú |
| *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*   * Hệ số thanh toán ngắn hạn:   TSLĐ/Nợ ngắn hạn   * Hệ số thanh toán nhanh:   (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 1,88  1,21 | 2,17  1,72 |  |
| *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*   * Hệ số Nợ/Tổng tài sản * Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,354  0,549 | 0,31  0,448 |  |
| *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*   * Vòng quay hàng tồn kho:   Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân   * Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,571  0,570 | 3,77  0,706 |  |
| *Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*   * Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần * Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu * Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản * Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần | 0,018  0,016  0,010  0,077 | 0,017  0,017  0,012  0,084 |  |

* 1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
  2. *Cổ phần:*

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.496.929 cổ phần.

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.496.929 cổ phần.

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật là: 0 cổ phần.

* 1. *Cơ cấu cổ đông:*

Cơ cấu cổ đông theo giấy đăng ký kinh doanh số 0101405355 cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 29/07/2013 như sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Số tiền (VNĐ)** | **Tỷ lệ (%)** |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 31.934.750.000 | 25,55 |
| Ông Phan Văn Hùng | 6.350.220.000 | 5,08 |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | 403.760.000 | 0,32 |
| Cổ đông khác | 86.280.560.000 | 69,05 |
| **Cộng** | **124.969.290.000** | **100,00** |

* 1. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

Hiện tại Công ty chưa có kế hoạch triển khai

* 1. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:*

Hiện tại Công ty không có cổ phiếu quỹ.

* 1. *Các chứng khoán khác*:

Công ty không phát hành các chứng khoán khác trong năm.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2013:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2013 | % so với kê hoạch năm 2013 | % so với thực hiện năm 2012 |
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 106 đ | 126 799 | 102,21 | 109,09 |
| 2 | Doanh thu | 106 đ | 149 617 | 111,65 | 117,75 |
| 3 | Giá trị dở dang cuối kỳ | 106 đ | 23 671 | 41,47 | 43,39 |
| 4 | Tiền về tài khoản | 106 đ | 149 371 | 110,24 | 141,05 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 106 đ | 3.800 | 107,66 | 143,78 |
| 6 | Nộp ngân sách nhà nước | 106 đ | 8 674 | 179,76 | 113,34 |
| 7 | Thu nhập bq quân người/tháng | 103 đ | 6 771 | 103,12 | 105,80 |

**1.2 Tình hình thực hiện mục tiêu tiến độ chính tại các công trình năm 2013:**

\* Công trình Thủy điện Lai Châu:

- Mỏ đá 1B: Khối lượng thực hiện 489.647m3/KH 465.000m3.

- Cấp đá nghiền sàng và bãi trữ: Khối lượng thực hiện 1.046.214m3 rời/KH 816.000m3 rời.

- Các hạng mục khác: Khối lượng thực hiện 354.892m3/KH 400.000m3.

\* Công trình Gói thầu số 15A thuộc Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2-Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp - Giai đoạn I: Đã thi công được các công việc theo kế hoạch đề ra như sau:

* Thi công xong sàn, cột, xây tường tầng 1 nhà hành chính hậu cần.
* Thi công xong cột, xây tường nhà nồi hơi.
* Giá trị xây lắp hoàn thành được 22,241 tỷ đồng.

*1.3 Đánh giá chung:*

*+ Những việc làm được*:

Năm 2013 có nhiều khó khăn, nhưng ngay từ khi xây dựng kế hoạch Công ty đã phân tích và định hướng mục tiêu phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, dừng và giãn các dự án đầu tư, tập trung cho công tác xây lắp, tìm kiếm và bám các công trình dự án mới có kế hoạch nguồn vốn cụ thể; Phân công cụ thể, quyết liệt bám sát chỉ đạo và thực hiện triển khai theo kế hoạch từng tháng, quý... Do vậy kết quả năm 2013 các chỉ tiêu giá trị sản lượng và doanh số đều hoàn thành vượt mức kế hoạch; mặc dù phải bù đắp chi phí (hơn 7,8 tỷ đồng) theo quyết định dừng các Dự án nhà ở Ngọc Khánh, Dự án nhà ở Vĩnh Hồ nhưng lợi nhuận năm 2013 vẫn còn 3,8 tỷ đồng đạt 107,66 % so với KH năm đề ra.

*+ Những tồn tại*:

Trong năm 2013 mặc dù đã có nhiều biện pháp và chỉ đạo sát sao tập trung thu vốn, thu nợ nhưng công nợ và giá trị dở dang cuối năm vẫn còn cao (giá trị dở dang là 23,671 tỷ đồng, giá trị công nợ phải thu là 50,945 tỷ đồng).

*+ Những tiến bộ công ty đã đạt được.*

Trong tình hình kinh tế suy thoái Công ty đã chủ động cơ cấu bộ máy sản xuất, định hướng tốt các chiến lược, tiếp thị, công tác quản lý, giám sát thực hiện đảm bảo ổn định, duy trì sản xuất, chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên.

1. Tình hình tài chính:
   1. *Tình hình tài sản:*

**Tài sản cố định hữu hình:** *Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | Nhà cửa,  **vật kiến trúc** | **Máy móc thiết bị** | **Phương tiện vận tải, truyền dẫn** | **Thiết bị dụng cụ quản lý** | **Cộng** |
| **Nguyên giá** | | | | |  |
| **Số dư đầu năm** | **-** | **36.446.022.443** | **36.637.873.836** | **1.070.783.939** | **74.154.680.218** |
| Tăng trong năm | 7.684.331.635 | 252.590.909 | - | 109.651.500 | 8.046.574.044 |
| *XDCB chuyển giao* | *7.684.331.635* | *163.636.364* | *-* | *109.651.500* | *7.957.619.499* |
| *Mua sắm mới* | *-* | *88.954.545* | *-* | *-* | *88.954.545* |
| Giảm trong năm | - | 246.491.688 | 57.771.363 | 782.242.065 | 1.086.505.116 |
| *Giảm khác* | *-* | *246.491.688* | *57.771.363* | *782.242.065* | *1.086.505.116* |
| **Số dư cuối năm** | **7.684.331.635** | **36.452.121.664** | **36.580.102.473** | **398.193.374** | **81.114.749.146** |
| **Giá trị hao mòn** | | | | |  |
| **Số dư đầu năm** | **-** | **27.788.971.175** | **28.188.063.367** | **833.728.036** | **56.810.762.577** |
| Tăng trong năm | 161.986.210 | 2.844.689.314 | 2.739.032.173 | 42.279.238 | 5.787.986.935 |
| *Khấu hao trong năm* | *161.986.210* | *2.844.689.314* | *2.739.032.173* | *44.797.039* | *5.787.986.935* |
| Giảm trong năm | - | 364.835.518 | 38.433.497 | 573.729.485 | 976.998.500 |
| *Giảm khác* | *-* | *364.835.518* | *38.433.497* | *573.729.485* | *976.998.500* |
| **Số dư cuối năm** | **161.986.210** | **30.268.824.971** | **30.888.662.042** | **302.277.789** | **61.621.751.012** |
| **Giá trị còn lại** | | | | |  |
| **Tại ngày đầu năm** | **-** | **8.657.051.268** | **8.449.810.469** | **237.055.903** | **17.343.917.641** |
| **Tại ngày cuối năm** | **7.522.345.425** | **6.183.296.693** | **5.691.440.431** | **95.915.585** | **19.492.998.134** |

**Danh mục số lượng xe máy, thiết bị thi công hiện có:**

| TT | Tên xe máy | Ký  hiệu | Số lượng  (chiếc) | N­ước sản xuất | Năm  BĐSD | Chất lượng còn lại (%) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  |
| I | Ô tô vận chuyển |  |  |  |  |  |
| 1 | Ôtô ben Huyndai*(loại 15T)* | HD270 | 25 | Hàn Quốc | 1998-2004 | Khá |
| 2 | Ôtô ben Dongfeng*(loại 19T)* | Dongfeng | 10 | Trung Quốc | 2007-2008 | Tốt |
| 3 | Ôtô Ben Hyundai *(loại 15T)* | HD270 | 10 | Hàn Quốc | 2010 | Tốt |
| 4 | Ôtô ben tự đổ *(loại 4,6T)* | Cửu Long | 1 | Trung Quốc | 2008 | Tốt |
| II | Máy công trình |  |  |  |  |  |
| A | Máy xúc |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy Xúc KOBELCO | SK 200 -1 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 2 | Máy xúc Komatsu | PC220 – 5 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 3 | Máy Xúc VOLVO | EC360 BLC | 6 | Thụy Điển | 2004 | Tốt |
| 4 | Máy xúc Komatsu | PC350-7 | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 5 | Máy xúc CAT | PC350-7 | 2 | Nhật | 2010 | Tốt |
| 6 | Máy xúc bánh lốp Komatsu | 0,7 m3 | 1 | Nhật | 2010 | Tốt |
| B | Máy ủi |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy ủi | D6R | 1 | Nga | 1997 | Khá |
| 2 | Máy ủi | D6R | 1 | Mỹ | 1998 | Khá |
| 3 | Máy ủi KOMATSU | D40P - 3 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 4 | Máy ủi KOMATSU | D65P - 11 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 5 | Máy ủi KOMATSU | D65P - 17 | 1 | Nhật | 1990 | Tốt |
| 6 | Máy ủi KOMATSU | D53P | 1 | Nhật | 2010 | Tốt |
| C | Máy đầm, lu |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy đầm cóc | TV5DF | 3 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 2 | Máy lu rung 14 tấn | CLG614 | 2 | Trung Quốc | 2008 | Tốt |
| 3 | Máy đầm cóc MIKASA | MIKASA | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| III | Máy tổng hợp |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy nén khí ABAB | B6000/270CT | 2 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 2 | Máy kinh vĩ | THEO | 1 | Nhật | 2003 | Khá |
| 3 | Máy thuỷ chuẩn |  | 1 | Nhật | 2003 | Khá |
| 4 | Máy trộn bê tông | 01 | 3 | Việt Nam | 2002-2008 | Tốt |
| 5 | Máy ép ty ô thuỷ lực | Finn – Power | 1 | Phần Lan | 2008 | Tốt |
| 6 | Máy phát điện 3 pha | 15Kw | 2 | Việt Nam | 2008 | Tốt |
| 7 | Máy toàn đạc | GTS751 | 2 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 8 | Máy san | GD31 | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 9 | Máy toàn đạc điện từ | DTM352 | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| 10 | Máy hàn chỉnh l­u | ARC 403 | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 11 | Máy phát điện 3 pha |  | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 12 | Máy nghiền sàng đá | CS 5m3/h | 1 | VN | 2009 | Tốt |
| 13 | Máy nghiền sàng đá | CS 20m3/h | 1 | VN | 2010 | Tốt |
| 14 | Máy hút cát | CS 5m3/h | 1 | TQ | 2009 | Tốt |
| 15 | Máy trộn bê tong TQ | 250L | 2 | TQ | 2010 | Tốt |
| 16 | Máy nghiền sàng đá | CS 50m3/h | 1 | VN | 2010 | Tốt |
| 17 | Trạm điện 35KV | 35KV | 1 | VN | 2010 | Tốt |
| IV | Xe ô tô phục vụ |  |  |  |  |  |
| 1 | Xe ôtô 7 chỗ Prado | TOYOTA | 1 | Nhật | 2011 | Tốt |
| 2 | Xe ôtô 7 chỗ V6 | Mitshubishi | 1 | Nhật | 2003 | Tốt |
| 3 | Xe ôtô 5 chỗ, bán tải | Ford Ranger | 1 | Liên doanh | 2004 | Tốt |
| 4 | Xe ôtô 5 chỗ, bán tải | Ford Ranger | 1 | Liên doanh | 2006 | Tốt |
| 5 | Xe ôtô 7 chỗ | Ford Everrest | 1 | Liên doanh | 2007 | Tốt |
| 6 | Xe ôtô 7 chỗ G2.0 | Innova | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| 7 | Xe ôtô 7 chỗ | Santafe | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| 8 | Xe ôtô 4 chỗ | Uóat | 1 | Nga | 2004 | Tốt |
| 9 | Xe ôtô 4 chỗ | Uóat | 1 | Nga | 2004 | Tốt |
| 10 | Xe ôtô 4 chỗ | Mazda | 1 | Nhật | 1996 | Tốt |
| 11 | Xe khách 30 chỗ | Hải âu | 1 | LD | 2005 | Tốt |
| 12 | Xe máy SYM | SYM | 2 | Hàn Quốc | 2008 | Tốt |
| 13 | Xe máy Sunfat | TQ | 2 | TQ | 2009 | Tốt |

Trong năm Công ty chưa thực hiện đầu tư mới tài sản cố định, nhằm khai thác triệt để năng lực tài sản hiện có, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

* 1. *Tình hình nợ phải trả:*
* Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Công nợ phải trả đầu năm là 75.391.859.790 đồng; số cuối năm 2013 là 61.619.386.345 đồng giảm 18,27%. Trong năm không có phát sinh các khoản nợ quá hạn hay nợ xấu. Phần nợ chủ yếu là nợ vay ngắn hạn ngân hàng phục vụ vốn lưu động, nợ nhà cung cấp tiền vật tư nhiên liệu phục vụ thi công, nợ CBCNV ... và đơn vị đã thực hiện đầy đủ cam kến nghĩa vụ trả nợ đến hạn với các đối tác ngân hàng và nhà cung cấp vật liệu đầu vào.

* Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Năm 2013 Công ty không phát sinh nợ phải trả xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

*3.1 Những việc đã làm được:*

*a. Công tác tổ chức đào tạo:*

* Thực hiện sắp xếp luôn chuyển cán bộ nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành và hoàn thiện bộ máy của đơn vị.
* Xây dựng điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý điều hành của đơn vị.
* Thành lập mới và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Hội đồng thu vốn Công ty và một số quy chế khác.

- Duy trì công tác báo cáo và giao việc thực hiện hàng tuần, tháng, thực hiện giám sát việc phân giao công việc thực hiện cụ thể từ Phòng Ban đến các nhân viên.

- Trong năm 2013: Tuyển dụng mới 06 người (trong đó kỹ sư, cử nhân 01người, lái xe 05 người).

- Tính đến ngày 31/12/2013 Công ty có tổng số: 177 CBCNV (trong đó 159 CBCNV ký HĐLĐ với Công ty; 18 CBCNV ký hợp đồng thời vụ, thử việc tại các đơn vị trực thuộc).

- Thực hiện đúng và kịp thời các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động trong toàn Công ty.

*b. Công tác Kinh tế - Kế hoạch:*

* Công tác Hợp đồng được thực hiện theo các văn bản Pháp luật hiện hành của Nhà nước và của Công ty Cổ phần Sông Đà 909.
* Ký xong hợp đồng thi công xây lắp công trình thủy điện Lai Châu với Ban điều hành thủy điện Lai Châu, và ký Hợp đồng với Ban QLDA Xây dựng công trình cơ sở 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp thi công gói thầu số 15A.
* Thực hiện quản lý chi phí trên cơ sở Dự toán chi phí đã được HĐQT phê duyệt.
* Lập báo cáo kết quả hoạt động SXKD theo quy định tháng, quý trình HĐQT.
* Quyết toán xong gói thầu R4-3, gói thầu số 15 đường ĐT127 và quyết toán chi phí di chuyển lực lượng thi công của công trình thủy điện Tuyên Quang.

- Kiểm tra định mức, đơn giá áp dụng các hạng mục thi công tại thủy điện Lai Châu.

- Làm việc với tư vấn, Chủ đầu tư phê duyệt dự toán các hạng mục tại công trình thủy điện Lai Châu.

*c. Công tác KTTC-AT:*

- Về tiến độ thi công tại công trình thủy điện Lai Châu: Thi công đáp ứng tiền độ và đảm bảo chất lượng các hạng mục mà Ban điều hành đã giao.

- Đã tập trung nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình: Lai Châu và Sơn La.

- Thực hiện đầy đủ các quy chế về an toàn lao động và bảo hộ lao động cho người lao động trên các công trình. Thường xuyên kiểm tra chấn chỉnh công tác an toàn phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Công tác Dự án đầu tư: Phối hợp với các đơn vị quyết toán khối lượng thực hiện dự án xây dựng văn phòng công ty.

*d. Công tác TCKT:*

*-* Thực hiện quy chế phân cấp quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh từ Công ty đến đơn vị trực thuộc.

- Phân tích đánh giá các thành phần chi phí và lập các báo tài chính theo quy định.

- Tập hợp chi phí đầy đủ làm cơ sở cho việc phân tích hạch toán chi phí SXKD để có những điều chỉnh cho hợp lý.

- Thực hiện công tác kiểm toán theo đúng luật, quy định. Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định về kế toán hiện hành của Nhà nước.

- Cân đối vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*e. Công tác quản lý cơ giới:*

- Các báo cáo nghiệp vụ về công tác cơ giới đã có sự theo dõi và kiểm soát nhất định.

- Duy trì công tác tổ chức sửa chữa hiện trường, quy trình bảo dưỡng xe máy. Công tác kiểm tu được làm thường xuyên từng ca.

- Thực hiện đúng quy trình về quản lý xe máy, thiết bi.

- Công tác sửa chữa lớn đã thực hiện được 15 chiếc/KH 15 chiếc giá trị được 3,600 tỷ đồng/3,650 tỷ đồng đạt 98,65% KH năm.

*f. Các dự án đầu tư:*

*\* Các Dự án mỏ vật liệu tại Nghi Xuân - Hà Tĩnh:* Đã tạm dừng thực hiện dự án mỏ đá Nhà Lương và mỏ đất Núi Chua theo thông báo của UBND tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay Công ty đang tìm kiếm mỏ vật liệu khác thay thế theo ý kiến của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

*\* Dự án Tân Vạn:* Duy trì liên hệ các văn phòng đất đai, văn phòng tư vấn tìm phương án sang tên sổ đỏ nhưng chưa có kết quả.

*\* Dự án Ngọc Khánh và Dự án Vĩnh Hồ:* Đã trình và được HĐQT ra quyết định dừng đầu tư Dự án nhà ở Ngọc Khánh, Dự án nhà ở Vĩnh Hồ và giải thể Ban quản lý các DA Hà Nội.

*h. Công tác kinh doanh khác:*

Công ty thường xuyên có kế hoạch và phân công tìm kiếm các dự án - công trình trên địa bàn các tỉnh để tham gia đấu thầu, nhận thầu thi công xây lắp. Trong năm 2013 đã ký và đang triển khai hợp đồng thi công công trình Bệnh viện Việt Tiệp tại Hải Phòng với giá trị hợp đồng là 49 tỷ đồng.

Hiện tại vẫn tiếp tục bám sát và tìm kiếm thông tin từ các công trình, dự án tại một số địa phương có nguồn vốn khả thi để tham gia đấu thầu và nhận thầu thi công.

*3.2. Những mặt tồn tại:*

*- Công tác tổ chức đào tạo:*

+ Trong năm 2013 nói chung công tác đào tạo chưa triển khai, cán bộ chủ yếu tự túc học nâng cao, học lên ngoài giờ làm việc.

+ Tình hình lao động ở Công ty còn có biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cụ thể: Lao động chấm dứt và bỏ việc năm 2013 là 39 người, trong đó: chấm dứt HĐLĐ là 19 người, bỏ việc 11 người, kỷ luật sa thải 08 người, nghỉ chế độ hưu trí 01người.

*- Công tác Kinh tế - Kế hoạch:*

+ Giá trị dở dang của toàn Công ty đến ngày 31/12/2013 đã giảm so với thời điểm 31/12/2012 nhưng vẫn còn là 23, 671 tỷ đồng.

+ Công tác quyết toán thực hiện còn chậm: Công trình Nậm Chiến chưa thực hiện được do phải chờ Chủ đầu tư ban hành đơn giá công trình năm 2012; Sơn La do có một số hạng mục làm chung với các đơn vị.

*- Công tác KTTC-AT:*

+ Công tác phối hợp với Đội TH số 8 chưa được kịp thời dẫn đến tiến độ thi công còn chậm và biện pháp thi công một số hạng mục chưa đem lại hiệu quả cao.

+ Công tác nghiệm thu quyết toán khối lượng thi công tại công trình thủy điện Nậm Chiến chưa đạt kế hoạch đề ra.

*- Công tác TCKT:*

+ Công tác thu hồi công nợ, xử lý nợ xấu chưa triệt để.

+ Giá trị công nợ phải thu của Công ty còn lớn, đến 31/12/2013, giá trị công nợ của toàn Công ty là 56,33 tỷ đồng.

*- Công tác quản lý cơ giới:*

+ Công tác quyết toán nhiên liệu ở một số tháng thực hiện chậm chưa kịp thời.

+ Công tác cân đối xe máy thiết bị phục vụ thi công chưa đạt hiệu quả cao.

+ Cần phải sát sao hơn nữa trong việc quản lý chất lượng của công tác sửa chữa xe máy thiết bị.

* *Các dự án đầu tư:*

+ Dự án Khu đô thị Ngọc Khánh, khu đô thị Vĩnh Hồ và Dự án Tân Vạn chưa thực hiện được do nền kinh tế bị suy thoái.

+ Dự án mỏ đá Nhà Lương tại Hà Tĩnh chưa triển khai được vì nền kinh tế chưa có dấu hiệu hồi phục, nên việc bỏ vốn ra đầu tư trong giai đoạn này sẽ không đem lại hiệu quả; hơn nữa để giảm thiểu chi phí đầu tư mà Chủ đầu tư phải bỏ ra để GPMB nên Công ty đã xem xét tạm dừng dự án, tìm kiếm dự án khác thay thế phù hợp hơn.

1. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1 Công tác xây lắp:

*4.1.1 Mục tiêu tiến độ thi công của các công trình trong năm 2014:*

* *Công trình thuỷ điện Lai Châu*: Thi công bóc phủ mỏ đá 1B và vận chuyển cấp đá nghiền sàng và các hạng mục công việc khác với tổng khối lượng là 1.217.000 m3 đất đá các loại, đắp đá hỗn hợp khoảng 5.000m3 (trong đó cấp đá nghiền sàng và bãi trữ là 1.026.000 m3 rời), thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ các hạng mục công trình.
* *Công trình bệnh viện Việt Tiệp tại Hải Phòng*: Trong năm 2014, hoàn thành xây lắp dự án, quyết toán bàn giao cho Chủ đầu tư. Trong quý 1 hoàn thành phần thô nhà hành chính hậu cần, phần hoàn thiện nhà nồi hơi.
* *Công trình mới*: Tìm kiếm thêm công việc làm tại công trình thủy điện Lai Châu và các công trình mới về lĩnh vực xây lắp tại địa bàn các tỉnh để thực hiện.
  + 1. *Công tác nghiệm thu, thanh toán:*

Tập trung trong công tác thu vốn và thu hồi công nợ cụ thể:

*a) Công tác nghiệm thu, thu vốn:*

*\* Công tác kỹ thuật:*

* *Công trình thủy điện Lai Châu*: Phối hợp làm việc với các đơn vị và Ban A đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt khối lượng biện pháp, dự toán để nghiệm thu thanh toán đường NT8. Nghiệm thu thanh toán khối lượng mỏ 1B và các hạng mục khác.
* *Công trình thủy điện Nậm Chiến*: Làm việc với Chủ đầu tư và ký xong quyết toán khối lượng (03) hạng mục tại công trình thủy điện Nậm Chiến.
* *Công trình thủy điện Sơn La*: Tập trung làm việc với ban A và các đơn vị để quyết toán dứt điểm các hạng mục còn lại tại công trình này (04 hạng mục).

Làm việc với Tổng công ty Sông Đà quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Tuyên Quang.

* *Công trình bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:* Tập trung thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng đã đề ra.

*\* Công tác kinh tế:*

* *Xây dựng, điều chỉnh một số quy chế quy định cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty.*
* *Công trình thủy điện Lai Châu:*

+ Đôn đốc Ban A phê duyệt dự toán một số hạng mục tại công trình thủy điện Lai Châu để thu thu vốn. Thanh toán giá trị mỏ đá 1B giá trị khoảng 12 tỷ đồng.

+ Làm việc với Ban điều hành và các đơn vị Sông Đà 704 và 508 để thu phủ giá trị cấp đá nghiền sàng tại thủy điện Lai Châu theo đơn giá công trình mới ban hành theo công văn số 2099 ngày 23/9/2013 của Chủ đầu tư.

* *Công trình thủy điện Nậm Chiến:* Làm việc với BĐH thủy điện Sơn La và Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Chiến đôn đốc Chủ đầu tư ban hành đơn giá công trình thi công năm 2012 để quyết toán các hạng mục còn lại.
* *Công trình thủy điện Sơn La:* Tập trung quyết toán các hạng mục còn lại tại công trình này. Phối hợp với Chi nhánh Sông Đà 908 và các đơn vị liên quan quyết toán giá trị các hạng mục đã xong quyết toán khối lượng.
* *Công trình thủy điện Tuyên Quang:* Làm việc với Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Tuyên Quang.
* *Công trình bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:* Thu vốn từng đợt theo điều khoản trong hợp đồng đã ký.

*b) Công tác thu hồi công nợ*:

Trong năm 2014, công tác thu hồi công nợ được tập trung và bám sát các Chủ đầu tư, Ban điều hành dự án thuỷ điện Sơn La, Lai Châu, Nậm Chiến và các đơn vị nhận cấp đá nghiền sàng SĐ508 và SĐ704 tại công trình thuỷ điện Lai Châu, dứt điểm thu hồi công nợ của Sông Đà 2 và Ban QLDA đường Nam Quảng Nam để thu tiền về phục vụ công tác SXKD của Công ty.

*c) Công tác cơ giới*:

* Tập trung thực hiện thanh lý các xe máy thiết bị cũ (thanh lý 03 xe phục vụ; 11 xe ô tô Huyndai cũ và 02 máy đào cũ). Nâng cao hệ số sử dụng xe máy thiết bị
* Tiếp tục kiểm tra rà soát hệ thống các định mức tiêu hao vật tư nhiên liệu của xe máy thiết bị để giảm thiểu chi phí.
* Thực hiện sửa chữa lớn một số xe máy thiết bị theo kế hoạch HĐQT đã đề ra.
  1. Mục tiêu các dự án đầu tư:
* *Dự án Tân Vạn:*

Tiếp tục liên hệ các văn phòng đất đai, văn phòng tư vấn tìm phương án sang tên sổ đỏ chuyển nhượng dự án khi có đối tác.

* *Dự án mỏ vật liệu tại Nghi Xuân - Hà Tĩnh:*

Trước mắt tạm dừng thực hiện dự án mỏ đá Nhà Lương và tạm dừng xin cấp phép mỏ đất Núi Chua này để tìm kiếm một dự án mỏ đá khác cũng trên địa bàn huyện Nghi Xuân để xin UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp lại (thay thế theo chủ trương của thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp bàn về việc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh).

* *Các dự án khác:*

Tiếp tục liên hệ với các Bộ ngành liên quan, các địa phương có mối quan hệ tốt, tìm kiếm thông tin các công trình, dự án có nguồn vốn khả thi để tham gia đấu thầu và nhận thầu thi công.

* 1. Công tác kinh doanh khác:

Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế và sự khan hiếm nguồn vốn như hiện nay, công tác kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản tiếp tục được các Ban theo dõi và thực hiện khi có cơ hội và phù hợp với nguồn tài chính để đem lại hiệu quả.

* 1. Một số giải pháp thực hiện năm 2014.
* Tập trung công tác thu vốn và thu hồi công nợ, quyết toán dứt điểm các hạng mục còn lại tại công trình thủy điện Sơn La, Nậm Chiến.
* Tìm kiếm và đấu thầu các công trình về xây lắp tại địa bàn các tỉnh để có thêm việc làm hoàn thành kế hoạch SXKD đã đề ra và tạo thêm việc làm cho năm tới và đảm bảo thu nhập cho người lao động.
* Sắp xếp, ổn định tổ chức để phục vụ công tác SXKD của Công ty.
* Quản lý chặt chẽ các chi phí trên cơ sở các Dự toán chi phí và định mức đơn giá nội bộ Công ty đã được HĐQT phê duyệt.
* Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty. Thực hiện các giải pháp duy trì nâng cao hệ số sử dụng và tuổi thọ xe máy thi công. Đảm bảo việc cung cấp vật tư và sửa chữa xe máy đảm bảo chất lượng, thiết bị được kịp thời để phục vụ sản xuất.
* Thực hiện hoàn thành thanh lý xe máy cũ.
* Quản lý khối lượng và biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công chi tiết các công trình. Quản lý chặt chẽ tiến độ chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc việc giám sát thi công và đảm bảo công tác an toàn lao động trên các công trường.
* Tiếp tục bám sát các Sở ban ngành thường xuyên nắm bắt các thông tin có liên quan về Dự án các mỏ vật liệu tại Hà Tĩnh để thực hiện Dự án đầu tư khi có cơ hội thuận lợi.

1. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với lưu ý của báo cáo kiểm toán:

Công ty Cổ phần Sông Đà 909 xin giải trình nội dung Ý kiến lưu ý của Kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính đã được kiểm năm 2013, về việc thực hiện dự án Khai thác mỏ đá Nhà Lương và mỏ đất Núi Chua tại Hà Tĩnh như sau:

Tại cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 909 ngày 18/10/2013 đã thông qua kế hoạch Quý IV/2013; theo đó tạm dừng thực hiện Dự án mỏ đá Nhà Lương và tạm dừng xin cấp phép Dự án mỏ đất Núi Chua và tìm kiếm dự án mỏ vật liệu xây dựng khác cũng trên địa bàn huyện Nghi Xuân để UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp lại.

Kế hoạch tạm dừng dự án này theo ý kiến chỉ đạo tại thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, về việc cho phép một công ty khác tiến hành nghiên cứu, khảo sát hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục để lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt triển khai thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh (đề án Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh có ảnh hưởng đến Dự án mỏ đá núi Nhà Lương của Công ty cổ phần Sông Đà 909).

Theo thông báo này, đơn vị được giao thực hiện đề án Thiền viện Trúc Lâm sẽ làm việc với Công ty Cổ phần Sông Đà 909, để xem xét dừng thực hiện Dự án mỏ đá Nhà Lương và khảo sát tìm dự án mỏ tại vị trí mới. UBND tỉnh sẽ ưu tiên cho Công ty khảo sát tại vị trí mới. Đồng thời đơn vị được giao nhiệm vụ sẽ phối hợp UBND tỉnh tính toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho Công ty.

Việc lượng hóa sự ảnh hưởng và điều chỉnh do việc dừng Dự án khai thác mỏ đá Nhà Lương và mỏ đất Núi Chua sẽ được thực hiện sau khi có phê duyệt chính thức dừng dự án và duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:
   1. *Những việc đã làm được:*

Về định hướng chiến lược:

* + 1. *Định hướng chiến lược:*
* Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
* Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
* Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
* Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.
  + 1. *Tiếp thị dự án:*
* Đã tiến hành tìm kiếm và tiếp thị thành công 01 dự án, thực hiện triển khai thi công ngay từ quý II/2013.
* Thông qua đối tác, khách hàng và quan hệ khác, tiếp cận thường xuyên với các dự án mới nhằm tìm kiếm thêm việc làm cho Công ty.
* Kiện toàn lại bộ phận tiếp thị dự án nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn hiện nay.
  + 1. *Công tác quản lý:*
* Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
* Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
* Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
* Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt đông của Công ty trong năm 2013 và các năm tiếp theo.
* Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:

1. *Công tác Quản trị:*

* Sắp xếp kế hoạch triển khai các nhiệm vụ tại các dự án đảm bảo tránh chồng chéo trong các danh mục đầu tư.
* Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng dân dụng.
* Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành thải hồi các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. *Giám sát thực hiện:*

* Sát nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.
* Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
* Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
* Thực hiện quy định pháp luật, đề xuất thành viên HĐQT độc lập, hỗ trợ hoạt động của HĐQT Công ty.
* Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
* Chỉ đạo quyết liệt công tác hoàn thiện tòa nhà Công ty và chuyển về trụ sở mới ổn định làm việc ngay trong năm 2013.
* Tiến hành bổ nhiệm và bổ nhiệm lại đối với các chức danh lãnh đạo của Công ty theo nội dung phê duyệt của Đại hội cổ đông năm 2013.
* Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế giao khoán chi phí thi công, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
* Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.
* Để đảm bảo kế hoạch thi công đối với dự án mới tại Hải Phòng, tiến hành đầu tư có hiệu quả các trang thiết bị, máy móc thi công liên quan.
* Tổ chức thành công kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty trang trọng và ý nghĩa.
  1. *Những việc chưa làm được:*
     1. *Định hướng chiến lược:*
* Trong năm mới triển khai thi công được 01 dự án, đối với các dự án đang tiến hành thương thảo còn gặp nhiều khó khăn do vướng mắc về cơ chế, chính sách và ảnh hưởng của quá trình suy thoái kinh tế chung.
* Đã tiến hành cắt giảm, sắp xếp lại nhân sự tại các phòng ban, đơn vị và bộ phận, tuy nhiên hiệu quả sử dụng về con người chưa cao do quá trình quá độ từ tư tưởng làm việc cũ sang mới còn diễn ra chậm.
* Quy trình thực hiện các thủ tục đối với các lĩnh vực hoạt động của Công ty tiến hành chậm chưa đáp ứng yêu cầu công việc.
* Tình trạng thu vốn và giảm giá trị dở dang vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.
  + 1. *Tiếp thị dự án:*
* Chưa xây dựng phương án tiếp thị cụ thể, dẫn tới thiếu tính chủ động - không hiệu quả.
* Tính tham mưu chưa đầy đủ nên chưa mang tính hỗ trợ kịp thời về công tác tiếp thị dự án đối với lãnh đạo Công ty.
  + 1. *Quản lý:*

Năm 2013 đã có những bước tiến đáng kể trong công tác quản lý nói chung, tuy nhiên vẫn còn nhiều thiếu sót cần phải khắc phục:

* Vẫn còn tình trạng nể nang của lãnh đạo cấp trên với nhân viên cấp dưới nên việc thực thi công việc chưa được sát sao.
* Nhiều nơi, nhiều lúc vẫn còn tình trạng chưa có trách nhiệm với tài sản và sự phát triển chung của Công ty.

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Trong năm 2013 với tình hình kinh tế khó khăn, nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã bám sát chỉ đạo, nỗ lực thực hiện các kế hoạch, nghị quyết và chiến lược của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật nhà nước.

Ban Tổng giám đốc đã sắp xếp và điều chuyển nguồn lực của Công ty thực hiện tốt kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình chủ yếu như công trình thủy điện Lai Châu và công trình Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết.

3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

*3.1 Định hướng:*

* Chú trọng đầu tư xây dựng thương hiệu nâng cao vị thế trên thương trường trong nước và quốc tế.
* Khẳng định thế mạnh đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống.
* Hướng tới phát triển các ngành nghề liên quan.
* Phát triển quy mô và bài bản các nguồn lực, trong đó vấn đề con người là trọng tâm.

*3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động:*

*3.2.1 Công tác quản trị:*

* Quyết liệt công tác nhân sự toàn Công ty nhằm đảm bảo tinh gọn bộ máy hoạt động, hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
* Giải quyết nhanh gọn các thủ tục đầu tư, thanh lý tài sản trên cơ sở phân tích hiệu quả sử dụng.
* Chủ động vật tư, nhiên liệu sản xuất nhằm giảm giá thành đầu vào.
* Lập kế hoạch sản xuất và giám sát thực hiện đồng bộ, hợp lý tránh trường hợp rơi vào thế bị động ảnh hưởng đến định hướng phát triển của Công ty.
  + 1. *Công tác chỉ đạo SXKD:*

1. *Thi công xây lắp:*

* *Công trình thuỷ điện Lai Châu*: Thi công bóc phủ mỏ đá 1B và vận chuyển cấp đá nghiền sàng và các hạng mục công việc khác với tổng khối lượng là 1.217.000 m3 đất đá các loại, đắp đá hỗn hợp khoảng 5.000m3 (trong đó cấp đá nghiền sàng và bãi trữ là 1.026.000 m3), thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ các hạng mục công trình.
* *Công trình bệnh viện Việt Tiệp tại Hải Phòng*: Trong năm 2014, hoàn thành xây lắp dự án, quyết toán bàn giao cho Chủ đầu tư. Trong quý 1 hoàn thành phần thô nhà hành chính hậu cần, phần hoàn thiện nhà nồi hơi.
* *Công trình mới*: Tìm kiếm thêm công việc làm tại công trình thủy điện Lai Châu và các công trình mới về lĩnh vực xây lắp tại địa bàn các tỉnh để thực hiện.

1. *Công tác nghiệm thu, thu vốn:*

* Đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt khối lượng biện pháp, dự toán để nghiệm thu thanh toán đường NT8. Nghiệm thu thanh toán khối lượng mỏ 1B và các hạng mục khác của công trình thủy điện Lai Châu.
* Làm việc với Chủ đầu tư và ký xong quyết toán khối lượng (03) hạng mục tại công trình thủy điện Nậm Chiến.
* Tập trung làm việc với ban A và các đơn vị để quyết toán dứt điểm các hạng mục còn lại tại công trình thủy điện Sơn La (04 hạng mục).
* Làm việc với các Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Sê San 4, Pleikrông và Tuyên Quang.
* Tập trung thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng đã đề ra đối với công trình bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.
* Trong năm 2014, công tác thu hồi công nợ được tập trung và bám sát các Chủ đầu tư, Ban điều hành dự án thuỷ điện Sơn La, Lai Châu, Nậm Chiến và các đơn vị nhận cấp đá nghiền sàng SĐ508 và SĐ704 tại công trình thuỷ điện Lai Châu, dứt điểm thu hồi công nợ của Sông Đà 2 và Ban QLDA đường Nam Quảng Nam để thu tiền về phục vụ công tác SXKD của Công ty.

1. *Các dự án đầu tư:*

* Trước mắt tạm dừng thực hiện dự án mỏ đá Nhà Lương và tạm dừng xin cấp phép mỏ đất Núi Chua này để tìm kiếm một dự án mỏ đá khác cũng trên địa bàn huyện Nghi Xuân để xin UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp lại (thay thế theo chủ trương của thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp bàn về việc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh).
* Tiếp tục liên hệ với Bộ Kế hoạch đầu tư, các Bộ khác và các địa phương xin thông tin các dự án để tham gia đấu thầu đối với các dự án khác.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:
   1. *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
| 1 | Phan Văn Hùng | Chủ tịch  HĐQT | 635.022 | 5,08 | Từ ngày 01/01/2013 thôi kiêm chức TGĐ |
| 2 | Phan Mạnh Hiệp | ủy viên HĐQT | 22.005 | 0,18 | Kiêm Tổng Giám đốc từ 01/01/2013 |
| 3 | Dương Ninh Tùng | ủy viên HĐQT | 14.696 | 0,12 | Kiêm Phó Tổng giám đốc |
| 4 | Trần Thanh Tùng | ủy viên HĐQT | 12.030 | 0,10 | Từ ngày 03/5/2013 thôi giữ chức vụ UVHĐQT |
| 6 | Nguyễn Duy Quang | ủy viên HĐQT |  |  | Đại diện phần vốn Cty CP Sông Đà 9 |
| 5 | Trần Xuân Sơn | ủy viên HĐQT | UV độc lập |  | Giữ chức UV từ ngày 03/5/2013, thay thế ô Trần T Tùng |

* 1. *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị*:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban

* 1. *Hoạt động của Hội đồng Quản trị:*
     1. *Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
| 1 | Phan Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT | 04 | 100% |  |
| 2 | Phan Mạnh Hiệp | ủy viên HĐQT | 04 | 100% |  |
| 3 | Dương Ninh Tùng | ủy viên HĐQT | 03 | 75% | Điều hành SXKD tại Lai Châu, đã ủy quyền cho chủ tịch HĐQT tham dự |
| 4 | Trần Thanh Tùng | ủy viên HĐQT | 02 | 50% | Từ ngày 03/5/2013 thôi giữ chức vụ ủy viên HĐQT |
| 5 | Nguyễn Duy Quang | ủy viên HĐQT | 04 | 100% |  |
| 6 | Trần Xuân Sơn | ủy viên HĐQT | 02 | 50% | Ủy viên HĐQT độc lập kể từ ngày 03/5/2013 |

* + 1. *Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc:*
* Chỉ đạo quyết liệt việc sắp xếp lại nhân sự toàn Công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
* Chú trọng công tác đào tạo đối với CBCNV Công ty, thường xuyên tổ chức thi nâng bậc đối với công nhân vận hành máy móc thi công trên công trường.
* Chỉ đạo Ban TGĐ bám sát kế hoạch đôn đốc hiệu quả công tác thi công trên các công trường đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc.
* Bổ sung chức năng nhiệm vụ đối với Ban quản lý các dự án Hà Nội đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty; đồng thời giao cho Ban QL các dự án HN chịu trách nhiệm chính quản lý thi công công trình Bệnh Viện Việt Tiệp Hải Phòng.
* Trên cơ sở phân tích hiệu quả kinh tế, tiến hành các thủ tục giải thể ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Phình Hồ - Yên Bái.
* Chỉ đạo thực hiện xuất toán giá trị dở dang đối với dự án đường Thường Tín - Cầu Giẽ nhằm giảm phần nào giá trị dở dang toàn Công ty.
* Định hướng xây dựng và phê duyệt áp dụng phù hợp quy chế lương mới đối với CBCNV Công ty và Xí nghiệp 1.
* Giám sát việc thực hiện các chế độ nghỉ dưỡng theo quy định đối với CBCNV Công ty.
* Kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư các hệ thống máy móc phục vụ thi công đối với công trình bệnh viện Việt Tiệp - Hải Phòng.
* Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.
* Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty trên cơ sở trang trọng, tiết kiệm và ý nghĩa.
* Ban hành các quy chế quy định chỉ đạo hiệu quả công tác thu hồi vốn và công nợ đồng thời giảm giá trị dở dang tại các công trình của Công ty.
* Chấn chỉnh nội quy, quy định làm việc, áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.
* Giám sát chặt chẽ, nâng cao hiệu quả quản lý công tác Hợp đồng.
* Trên cơ sở giảm các chi phí, tập trung vào các nhiệm vụ sản xuất khác của Công ty, tiến hành tạm dừng đối với các dự án đầu tư khu đô thị Ngọc Khánh và Vĩnh Hồ, đồng thời giải quyết các thủ tục liên quan.
  + 1. *Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Phiên họp | Ngày | Nội dung |
| 1 | 01 | 04/02/2013 | *Nội dung 1.* Thông qua báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV, năm 2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2013.  *Nội dung 2.* Thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính 2012 và kế hoạch tài chính 2013, kế hoạch tài chính quý I/2013; Báo cáo thực hiện dự toán chi phí quản lý 2012 và dự toán chi phí quản lý 2013.  *Nội dung 3.* Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV và bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012.  *Nội dung 4.* Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 *(Chi tiết theo nội dung tờ trình số 13/S99-TCKT-TTr ngày 30/01/2013)*.  *Nội dung 5.* Thông qua báo cáo tài chính năm 2012 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2013 *(Chi tiết theo nội dung tờ trình số 14/S99-TCKT-TTr ngày 30/01/2013)*.  *Nội dung 6.* Thông qua thay đổi phương án tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng *(Chi tiết theo nội dung tờ trình số 15/S99-TCKT-TTr ngày 30/01/2013)*.  *Nội dung 7.* Thông qua thực hiện dự toán chi phí quản lý năm 2012, dự toán chi phí quản lý năm 2013 và ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013 - dự toán chi phí quản lý năm 2013 trong trường hợp có biến động lớn làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2013 *(Chi tiết theo nội dung tờ trình số 16/S99-TCKT-TTr ngày 30/01/2013)*.  *Nội dung 8.* Thông qua mức thù lao HĐQT - BKS năm 2012 và kế hoạch dự toán mức thù lao HĐQT - BKS năm 2013 *(Chi tiết theo nội dung tờ trình số 17/S99-TCKT-TTr ngày 30/01/2013)*.  *Nội dung 9.* Thông qua kế hoạch sửa chữa lớn năm 2013 *(Chi tiết theo nội dung tờ trình số 04/S99-KTDA&QLCG-TTr ngày 16/01/2013)*.  *Nội dung 10.* Thông qua việc ký Hợp đồng thuê Tổng Giám Đốc quản lý và điều hành Công ty cổ phần Sông Đà 909 của HĐQT Công ty. |
| 2 | 02 | 22/04/2013 | *Nội dung 1.* Thông qua báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý I và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2013.  *Nội dung 2.* Thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính 2012 và kế hoạch tài chính 2013, báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính quý I, kế hoạch tài chính quý II năm 2013.  *Nội dung 3.* Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012.  *Nội dung 4.* Thông qua tờ trình phê duyệt thực hiện dự toán mức thù lao HĐQT - BKS năm 2012 và kế hoạch dự toán mức thù lao HĐQT - BKS năm 2013.  *Nội dung 5.* Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty theo điều lệ mẫu ban hành theo thông tư 121/2012-TT-BTC.  *Nội dung 6.* Thông qua thay đổi trụ sở/ địa chỉ giao dịch của Công ty. |
| 3 | 03 | 22/07/2013 | *Nội dung 1.* Thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh quý II, thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2013.  *Nội dung 2.* Thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính quý II/2013 và kế hoạch tài chính quý III/2013.  *Nội dung 3.* Thông qua báo cáo tài chính quý II/2013 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2013. |
| 4 | 04 | 18/10/2013 | *Nội dung 1.* Thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh quý III và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2013.  *Nội dung 2.* Thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính quý III/2013 và kế hoạch tài chính quý IV/2013.  *Nội dung 3.* Thông qua báo cáo thực hiện dự toán chi phí quản lý 9 tháng đầu năm 2013.  *Nội dung 4.* Thông qua báo cáo thực hiện dự toán chi phí quản lý quý III năm 2013 và dự toán chi phí quản lý quý IV năm 2013 |

* + 1. *Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị:*

Căn cứ thay đổi:

* Thông báo số 20/S99-HĐQT-TB ngày 02/4/2013 của Chủ tịch HĐQT về việc giới thiệu nhân sự bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ III (2013- 2017).
* Nghị quyết số 01/S99-ĐHCĐ-NQ ngày 03/5/2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 và kế hoạch năm 2013. Theo đó, Đại hội cổ đông đã thông qua thay đổi nhân sự mới của Hội đồng Quản trị Công ty như sau:

Ông: Trần Thanh Tùng - thôi chức ủy viên HĐQT từ ngày 03/05/2013

Ông: Trần Xuân Sơn - giữ chức ủy viên HĐQT từ ngày 03/05/2013.

* + 1. *Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:*

Thành viên HĐQT độc lập gồm ông Nguyễn Duy Quang và ông Trần Xuân Sơn. Trong năm 2013, các thành viên này có tham gia cùng với các thành viên khác của HĐQT giải quyết các nội dung, vấn đề phải thông qua HĐQT.

* + 1. *Danh sách các thành viên HĐQT trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
| 1 | Phan Văn Hùng | CT |  |
| 2 | Dương Ninh Tùng | UV |  |
| 3 | Trần Thanh Tùng | UV | Thôi UV từ 03/05/2013 |
| 4 | Phan Mạnh Hiệp | UV |  |
| 5 | Nguyễn Duy Quang | UV |  |
| 6 | Trần Xuân Sơn | UV | Làm UV từ 03/05/2013 |

1. Ban Kiểm soát:
   1. *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Ghi chú |
| 1 | Trần Thị Chung | Trưởng ban | Đại diện phần vốn Cty CP Sông Đà | |
| 2 | Lưu Văn Cảnh | Thành viên | 5.122 |  |
| 3 | Đinh Quang Tiến | Thành viên | 9.964 |  |

* 1. *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

- Hoạt động của Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên: Trong năm 2013, BKS thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý. Ban kiểm soát đã trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty; đã tham gia để Ban Tổng giám đốc báo cáo HĐQT kịp thời.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Thường xuyên chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

1. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát
   1. *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

*(Đơn vị tính : đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Lương, thưởng | | Thù lao | |
| Số tiền lương 1 tháng | Số tiền lương năm 2013 | Số tiền thù lao 1 tháng | Số tiền thù lao năm 2013 |
| A | Hội đồng quản trị |  |  |  |  | 765.600.000 |
| 1 | Phan Văn Hùng | CT |  |  | 33.000.000 | 396.000.000 |
| 2 | Dương Ninh Tùng | UV |  |  | 6.600.000 | 79.200.000 |
| 3 | Phan Mạnh Hiệp | UV |  |  | 6.600.000 | 79.200.000 |
| 4 | Trần Thanh Tùng | UV |  |  | 6.600.000 | 26.400.000 |
| 5 | Trần Xuân Sơn | UV |  |  | 6.600.000 | 52.800.000 |
| 6 | Nguyễn Duy Quang | UV |  |  | 6.600.000 | 79.200.000 |
| 7 | Nguyễn Đức Lương | Thư ký |  |  | 4.400.000 | 52.800.000 |
| B | Ban kiểm soát |  |  |  |  | 264.000.000 |
| 1 | Trần Thị Chung | TB |  |  | 8.800.000 | 105.600.000 |
| 2 | Lưu Văn Cảnh | UV |  |  | 6.600.000 | 26.400.000 |
| 3 | Trần Thanh Tùng | UV |  |  | 6.600.000 | 52.800.000 |
| 4 | Đinh Quang Tiến | UV |  |  | 6.600.000 | 79.200.000 |
| C | Ban Tổng Giám đốc |  |  | 648.479.000 |  |  |
| 1 | Phan Mạnh Hiệp | TGĐ | 31.262.000 | 375.144.000 |  |  |
| 2 | Dương Ninh Tùng | PTGĐ | 22.779.000 | 273.353.000 |  |  |
| D | Thù lao tại các Cty con, Cty liên kết | | |  |  | 26.400.000 |
| *1* | *Cty CP Sông Đà Hồng Lĩnh* | |  |  |  |  |
|  | Phan Mạnh Hiệp | Chủ tịch HĐQT |  |  | 2.200.000 | 26.400.000 |
|  | Tổng cộng |  |  | 648.479.000 |  | 1.056.000.000 |

* 1. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*:

Không.

* 1. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*

Không.

* 1. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*
     1. *Công tác Quản trị:*
* Chỉ đạo quyết liệt và thực hiện hiệu quả công tác điều hành thông qua các báo cáo quản trị hàng tháng của các bộ phận quản lý sản xuất trực tiếp;
* Đặt trọng tâm sắp xếp nhân sự và kiện toàn tổ chức toàn Công ty;
* Chỉ đạo rà soát các quy chế do HĐQT đã ban hành hiện áp dụng chưa hợp lý, từ đó tiến hành bổ sung, sửa đổi lấy ý kiến để phê duyệt ban hành;
* Đặt kế hoạch cụ thể và giám sát chặt dòng tiền tiến hành thu vốn hiệu quả; đồng thời hoàn thiện tài liệu, phục vụ hiệu quả công tác nghiệm thu thanh toán, giảm giá trị dở dang trên các công trường;
* Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, nhất là giai đoạn kết thúc năm chuẩn bị đón tết nguyên đán.
  + 1. *Giám sát thực hiện:*
* Căn cứ năng lực công tác và động viên, thúc đẩy khả năng sáng tạo đóng góp cho sự phát triển của Công ty, HĐQT đã phê duyệt thông qua thay đổi tăng mức lương của Kế toán trưởng trên cơ sở cân đối chi phí hợp lý;
* Dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và các năm tiếp theo, tiến hành cân đối lại các công trình dự án đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, từ đó đã tiến hành các thủ tục quyết định chấm dứt đầu tư đối với dự án Thủy điện Phình Hồ;
* Trên cơ sở cơ cấu nội bộ, sắp xếp nhân sự, phân chia công việc hợp lý, HĐQT Công ty đã phê duyệt Bổ nhiệm Ông Phan Mạnh Hiệp - hiện đang là Phó TGĐ làm Tổng Giám Đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2013;
* Tập trung thu vốn hiệu quả tại các công trình Lai Châu, Sơn La, Nậm Chiến và Nam Quảng Nam.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

1. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* .

|  |  |
| --- | --- |
| *Số: ………../BCKT/HN/S99-CPA-Hanoi* |  |

BÁO CÁO kiỂm toán ĐỘC LẬP

*Kính gửi:* QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 909

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 được lập ngày 10/03/2014 từ trang 07 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất rằng: Công ty đã thực hiện dự án Khai thác mỏ đá Nhà Lương và Mỏ đất Núi Chua tại Hà Tĩnh. Tuy nhiên theo chủ trương tại thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc tạm dừng khai thác hai dự án này và cho phép một doanh nghiệp khác nghiên cứu, khảo sát hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục để lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt triển khai thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh. Theo thông báo này đơn vị được giao nhiệm vụ sẽ làm việc với Công ty để dừng khai thác dự án mỏ đá Nhà Lương, khảo sát tại vị trí mới. UBND tỉnh sẽ ưu tiên cho đơn vị có mỏ khảo sát tại vị trí mới. Đồng thời đơn vị được giao nhiệm vụ sẽ phối hợp UBND tỉnh tính toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho Công ty. Đến thời điểm 31/12/2013 tổng chi phí thực tế đã đầu tư cho dự án trên là 5,79 tỷ đồng. Quyết định chính thức phê duyệt dự án Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho Công ty sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ kế toán tiếp theo.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPA-Hanoi)

*(đã ký) (đã ký)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nguyễn Ngọc Tỉnh Nguyễn Thị Gấm

Giám đốc Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0132-2013-016-11082-2013-016-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Mẫu số: B01-HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | TÀI SẢN | Mã số | Ghi chú | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 |  | 132.799.612.122 | 140.124.016.533 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 |  | 24.652.854.061 | 9.745.442.273 |
| 1 | Tiền | 111 | 3 | 24.652.854.061 | 9.745.442.273 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 112 |  | - | - |
| II | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 4 | 2.222.290.000 | 4.273.700.000 |
| 1 | Đầu tư ngắn hạn | 121 |  | 6.093.330.662 | 9.797.118.800 |
| 2 | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (\*) | 129 |  | (3.871.040.662) | (5.523.418.800) |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 |  | 56.614.672.260 | 51.811.617.125 |
| 1 | Phải thu khách hàng | 131 | 5 | 52.484.999.788 | 44.744.880.048 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 132 | 5 | 1.733.954.257 | 2.302.948.116 |
| 3 | Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng | 134 |  | 4.392.525.000 | 4.076.890.000 |
| 4 | Các khoản phải thu khác | 135 | 6 | 4.648.669.292 | 716.167.476 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (\*) | 139 |  | (6.645.476.077) | (29.268.515) |
| IV | Hàng tồn kho | 140 |  | 27.506.750.197 | 49.607.582.573 |
| 1 | Hàng tồn kho | 141 | 7 | 27.506.750.197 | 49.607.582.573 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (\*) | 149 |  | - | - |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 150 |  | 21.803.045.604 | 24.685.674.562 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 8 | 327.971.629 | 428.089.276 |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 |  | 3.914.819.173 | 2.709.731.873 |
| 3 | Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 9 | 42.087.036 | 1.245.710.203 |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 10 | 17.518.167.766 | 20.302.143.210 |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 |  | 65.279.401.932 | 72.431.680.293 |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | 210 |  | - | - |
| II | Tài sản cố định | 220 |  | 46.724.673.851 | 57.825.444.036 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 18.916.177.288 | 17.365.006.287 |
|  | - Nguyên giá | 222 |  | 80.537.928.300 | 74.191.480.218 |
|  | *- Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | *223* |  | *(61.621.751.012)* | *(56.826.473.931)* |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 21.988.417.331 | 185.857.187 |
|  | - Nguyên giá | 228 |  | 22.182.292.364 | 367.425.000 |
|  | *- Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | *229* |  | *(193.875.033)* | *(181.567.813)* |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 13 | 5.820.079.232 | 40.274.580.562 |
| III | Bất động sản đầu tư | 240 | 14 | 16.476.776.500 | 13.807.447.879 |
| 1 | - Nguyên giá | 241 |  | 17.576.366.851 | 14.556.209.182 |
| 2 | *- Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | *242* |  | *(1.099.590.351)* | *(748.761.303)* |
| IV | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 |  | 550.000.000 | 550.000.000 |
| 1 | Đầu tư vào công ty con | 251 |  | - | - |
| 2 | Đầu tư dài hạn khác | 258 | 15 | 550.000.000 | 550.000.000 |
| IV | Tài sản dài hạn khác | 260 |  | 1.527.951.581 | 248.788.378 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 1.527.951.581 | 248.788.378 |
| VI | Lợi thế thương mại | 269 |  | - | - |
|  | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 |  | 198.079.014.054 | 212.555.696.826 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

*(Tiếp theo)*

Mẫu số: B01-HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | NGUỒN VỐN | Mã số | Ghi chú | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A | NỢ PHẢI TRẢ | 300 |  | 61.274.279.631 | 75.324.626.997 |
| I | Nợ ngắn hạn | 310 |  | 61.274.279.631 | 74.713.751.997 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 17 | 29.423.836.134 | 35.481.127.017 |
| 2 | Phải trả người bán | 312 | 18 | 5.098.289.271 | 14.169.883.367 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 313 | 18 | 6.555.474.786 | 565.000.000 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 19 | 9.306.111.524 | 7.947.240.227 |
| 5 | Phải trả người lao động | 315 |  | 5.143.784.981 | 8.149.017.683 |
| 6 | Chi phí phải trả | 316 | 20 | 1.680.345.097 | 3.483.170.918 |
| 7 | Các khoản phải trả, phải nộp NH khác | 319 | 21 | 3.018.914.232 | 3.907.991.400 |
| 8 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |  | 1.046.804.954 | 900.804.954 |
| 9 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 |  | 718.652 | 109.516.431 |
| II | Nợ dài hạn | 330 |  | - | 610.875.000 |
| 1 | Vay và nợ dài hạn | 334 |  | - | 610.875.000 |
| 2 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |  | - | - |
| B | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 |  | 136.804.734.423 | 137.231.069.829 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 22a | 136.804.734.423 | 137.231.069.829 |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 22b | 124.969.290.000 | 124.969.290.000 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 |  | 982.166.000 | 982.166.000 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 22f | 4.230.213.235 | 5.169.176.926 |
| 4 | Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 22f | 3.396.354.668 | 3.296.250.989 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 |  | 3.226.710.520 | 2.814.185.914 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 |  | - | - |
| C | LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | 23 | - | - |
|  | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 |  | 198.079.014.054 | 212.555.696.826 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Mã số | ĐVT | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1 | Tài sản thuê ngoài | 001 | VNĐ | - | - |
| 2 | Ngoại tệ các loại | 007 | USD | 661,40 | 674.03 |
| 3 | Dự toán chi sự nghiệp, dự án | 008 | VNĐ | - | - |

Tổng Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu

*(đã ký) (đã ký) (đã ký)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Phan Mạnh Hiệp Chu Danh Phương Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mẫu số: B02-HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Mã số | Ghi chú | Năm nay | Năm trước |
|  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 24 | 140.099.801.750 | 122.010.782.722 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | 25 | 179.895.054 | 861.622.604 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 26 | 139.919.906.696 | 121.149.160.118 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | 27 | 103.812.860.950 | 92.061.158.817 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 |  | 36.107.045.746 | 29.088.001.301 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 28 | 867.248.958 | 2.883.103.046 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | 29 | 2.075.196.566 | 8.128.449.381 |
|  | *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* |  | *3.727.574.704* | *7.056.888.834* |
| 8 | Chi phí bán hàng | 24 |  |  |  |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 |  | 23.166.406.533 | 14.492.360.123 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 |  | 11.732.691.605 | 9.350.294.843 |
| 11 | Thu nhập khác | 31 |  | 496.930.154 | 701.056.652 |
| 12 | Chi phí khác | 32 |  | 8.784.904.165 | 7.407.995.443 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 40 |  | (8.287.974.011) | (6.706.938.791) |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 |  | 3.444.717.594 | 2.643.356.052 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 |  | 1.058.301.411 | 497.282.469 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |  |  |  |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 |  | 2.386.416.183 | 2.146.073.583 |
|  | Phân bổ cho |  |  |  |  |
|  | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số |  |  | - | - |
|  | Cổ đông công ty mẹ |  |  | 2.386.416.183 | 2.146.073.583 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 |  | 190 | 172 |

Tổng Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu

*(đã ký) (đã ký) (đã ký)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Phan Mạnh Hiệp Chu Danh Phương Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO L­ƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

*(Theo ph­ương pháp trực tiếp)*

Mẫu số: B03 - HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh |  |  |  |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 1 | 146.853.130.346 | 103.109.264.655 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và dịch vụ | 2 | (53.657.228.151) | (79.335.886.652) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 3 | (28.557.955.639) | (11.861.144.383) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 4 | (3.743.814.788) | (6.990.843.877) |
| 5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp | 5 | (1.007.948.295) | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 6 | 301.098.425 | 1.122.970.523 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 7 | (9.033.362.995) | (991.600.962) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 51.153.918.903 | 5.052.759.304 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư |  |  |  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | - | (171.224.909) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn | 22 | - | 46.200.000 |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ | 23 | 2.680.000.000 | 3.500.000.000 |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (3.500.000.000) |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 454.921.977 | 244.942.264 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 3.134.921.977 | 119.917.355 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính |  |  |  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cố phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu | 32 | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 8.714.000.000 | 48.693.487.316 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (48.095.429.092) | (54.519.843.903) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (39.381.429.092) | (5.826.356.587) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40) | 50 | 14.907.411.788 | (653.679.928) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 9.745.442.273 | 10.399.122.201 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61) | 70 | 24.652.854.061 | 9.745.442.273 |

Tổng Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu

*(đã ký) (đã ký) (đã ký)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Phan Mạnh Hiệp Chu Danh Phương Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Mẫu số: B09-HN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sông Đà 909 ("Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 903 trực thuộc Công ty Sông Đà 9 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 909 theo Quyết định số 995/QĐ-BXD ngày 25/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28/12/2007 (Chuyển trụ sở - thay thế Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000680 ngày 29/03/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp). Kể từ thời điểm chuyển đổi, Công ty có thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 18/06/2008 và lần 9 ngày 29/07/2013, theo đó:

Vốn điều lệ: 124.969.290.000 đồng

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 909

Tên giao dịch: SONG DA 909 JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SONG DA 909., JSC

Trụ sở chính tại: Lô C14/D21 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đối tượng | Số tiền (VNĐ) | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 31.934.750.000 | 25,55 |
| Ông Phan Văn Hùng | 6.350.220.000 | 5,08 |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | 403.760.000 | 0,32 |
| Cổ đông khác | 86.280.560.000 | 69,05 |
| Cộng | 124.969.290.000 | 100,00 |

Đến thời điểm 31/12/2013 toàn bộ 12.496.929 cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông và được phép tự do chuyển nhượng theo qui định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản pháp lý có liên quan đến chứng khoán. Hiện tại mã chứng khoán đang giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội của Công ty là S99.

Hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thuỷ điện, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại; Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản (chỉ hoạt động tại sàn giao dịch bất động sản của công ty), dịch vụ định giá bất động sản (chỉ hoạt động tại sàn giao dịch bất động sản của công ty), dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; Hoạt động xuất khẩu lao động; Chuyển giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản, thực phẩm (trừ loại Nhà nước cấm); Sửa chữa ô tô, các loại máy xây dựng; Gia công cơ khí, sản xuất kinh doanh phụ tùng ô tô, máy xây dựng; Đầu tư xây dựng các nhà máy thuỷ điện, quản lý vận hành nhà máy thuỷ điện, bán điện; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh vận tải hàng hoá; Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, ngói, đá, cát sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác; Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn./.

Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HỒNG LĨNH

Địa chỉ : Thôn 2, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Tỷ lệ lợi ích: 100%

Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3001324115 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp ngày 06/10/2010, Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh có các cổ đông với tỷ lệ đăng ký góp vốn như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cổ đông | Số tiền (VNĐ) | Số thực góp (VNĐ) | Tỷ lệ đăng ký (%) |
| Công ty Cổ phần Viên Lộc | 4.000.000.000 | - | 20,00 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 909 | 10.200.000.000 | 7.330.000.000 | 51,00 |
| Cổ đông khác | 5.800.000.000 | - | 29,00 |
| Cộng | 20.000.000.000 | 7.330.000.000 | 100,00 |

Đến 31/12/2013, có duy nhất Công ty Cổ phần Sông Đà 909 góp vốn với giá trị 7,33 tỷ đồng.

1. Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán
2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

1. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam

Trong năm tài chính 2013, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện 16 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính.

1. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

1. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Với các công trình mới triển khai có khối lượng dở dang chưa có doanh thu thì chi phí dở dang cuối năm được tập hợp theo thực tế phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

1. Tài sản cố định và khấu hao

*Tài sản cố định hữu hình:*

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

(1) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

(2) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;

(3) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;

(4) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành (Có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên).

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và khấu hao luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 50 |
| Máy móc thiết bị | 05 - 20 |
| Phương tiện vận tải, thiết vị truyền dẫn | 06 - 15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 04 - 25 |

*Tài sản cố định vô hình:*

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả bốn điều kiện ghi nhận Tài sản cố định Hữu hình, mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình. Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả bốn tiêu chuẩn nêu trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán … Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 20 năm, riêng đối với Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính trích khấu hao.

1. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Với từng hoạt động kinh doanh cụ thể, công ty ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng: được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi Chủ đầu tư, công ty sẽ ghi nhận doanh thu đồng thời ghi chi phí tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được Chủ đầu tư xác nhận trong năm kế toán hoặc kết thúc năm kế toán. Với các khoản tăng, giảm khối lượng thực hiện sẽ chỉ được ghi nhận khi vào doanh thu khi đã được Chủ đầu tư chấp thuận thanh toán và ký biên bản quyết toán cuối cùng.

Với các hợp đồng không thể xác định chi phí một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắn chắn. Tương ứng chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi đã thực sự phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
* Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
* Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

Chính sách ghi nhận doanh thu này được Công ty áp dụng từ năm tài chính 2010 và là một nguyên tắc được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam và một số nước khác.

1. Thuế

Doanh nghiệp áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với sản phẩm là hoạt động thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thuỷ điện, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công tình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước các loại là 10%. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ được tất toán khi cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán năm.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và luật thuế) có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

1. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được hạch toán và phản ánh theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2013/TT-BTC ngày 24/10/2013 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

1. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cho những khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 2 năm hoặc khách hàng đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, truy tố hoặc gặp các khó khăn tương tự khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự hòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 180/2013/TT-BTC ngày 24/10/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp”.

1. Chi phí trả trước dài hạn

*Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ:*

Công cụ dụng cụ xuất dùng trong năm được phân bổ vào chi phí không quá 02 năm.

1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

1. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

1. Thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày mua tài sản. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán. Khoản chênh lệch giữa giá trị trên hợp đồng thuê và giá thị trường của tài sản được xem là chi phí tài chính và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê, đảm bảo một tỷ lệ cố định tính trên số dư phải trả về thuê tài chính còn lại cho trong năm kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương như các tài sản sở hữu, hoặc dựa trên thời gian đi thuê tài sản tương ứng trong trường hợp thời gian thuê ngắn hơn.

1. Thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

1. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao luỹ kế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Tỷ lệ khấu hao áp dụng với bất động sản đầu tư tương tự như tỷ lệ khấu hao áp dụng đối với bất động sản chủ sở hữu sử dụng.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

*Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty mẹ và Công ty con (Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần.

1. Công cụ tài chính

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và các tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Tiền mặt | 754.823.636 |  | 3.400.586.604 |
| Tiền gửi ngân hàng | 23.898.030.425 |  | 6.344.855.669 |
| *Tiền gửi VNĐ* | *23.884.257.208* |  | *6.330.817.044* |
| Ngân hàng Liên doanh Lào Việt | 4.508.133 |  | *679.758.189* |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 10.020.804.925 |  | *865.988.315* |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 2.423.317.484 |  | *194.383.802* |
| Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam | 11.183.910.095 |  | *4.574.131.925* |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | - |  | *1.050.000* |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 1.986.013 |  | *2.270.595* |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | 7.729.565 |  | *4.158.133* |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | 1.166.275 |  | *3.699.542* |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 240.834.718 |  | *5.376.543* |
| *Tiền gửi USD* | *13.773.217* |  | *14.038.625* |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 13.773.217 |  | *14.038.625* |
| Cộng | 24.652.854.061 |  | 9.745.442.273 |

1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Năm nay | | Năm trước | |
| Tên và mã chứng khoán | Số lượng | Giá trị (VNĐ) | Số lượng | Giá trị (VNĐ) |
|  |  |  |  |  |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn |  | 6.093.330.662 |  | 9.797.118.800 |
| Công ty Cổ phần ĐT và XD COTEC (CIC) | 22.000 | 287.964.935 | 19.500 | 287.964.935 |
| Công ty Cổ phần Gạch mem ChangYin (CYC) | 47.350 | 343.331.194 | 47.350 | 343.331.194 |
| Công ty Cổ phần Căn nhà mơ ước (DRH) | 221.100 | 2.921.916.559 | 221.100 | 2.921.916.559 |
| Công ty Cổ phần Thuận Thảo (GTT) | - | - | 239.800 | 2.614.472.920 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05 (S55) | - | - | 35.000 | 1.089.315.195 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (SD6) | 68.000 | 931.598.204 | 68000 | 931.598.204 |
| Công ty Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) | 10.000 | 173.682.750 | 10.000 | 173.682.750 |
| Công ty Cổ phần Đá ốp lát Vinaconex (VCS) | - | - |  | 23 |
| Ngân hàng SHB | 6.050 | 50.000.000 | 6.050 | 50.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall (WSS) | 112.000 | 1.384.837.020 | 112.000 | 1.384.837.020 |
| Dự phòng Giảm giá Đầu tư tài chính ngắn hạn |  | (3.871.040.662) |  | (5.523.418.800) |
| Công ty Cổ phần ĐT và XD COTEC (CIC) |  | (248.364.935) |  | (241.764.935) |
| Công ty Cổ phần Gạch mem ChangYin (CYC) |  | (111.316.194) |  | (239.161.194) |
| Công ty Cổ phần Căn nhà mơ ước (DRH) |  | (2.413.386.559) |  | (2.369.166.559) |
| Công ty Cổ phần Thuận Thảo (GTT) |  | - |  | (791.992.920) |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05 (S55) |  | - |  | (385.815.195) |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (SD6) |  | (95.198.204) |  | (503.198.204) |
| Công ty Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) |  | (113.682.750) |  | (122.682.750) |
| Ngân hàng SHB |  | (8.255.000) |  | (23) |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall (WSS) |  | (880.837.020) |  | (869.637.020) |
|  |  |  |  |  |
| Cộng |  | 2.222.290.000 |  | 4.273.700.000 |

1. Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Phải thu khách hàng | 52.484.999.788 |  | 44.744.880.048 |
| Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La | 17.404.026.178 |  | 18.575.757.948 |
| Ban điều hành dự án thủy điện Bản Vẽ | 1.092.318.201 |  | - |
| Công ty TNHH Chứng khoán NHNT Việt Nam | 1.259.090.724 |  | - |
| Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu | 8.328.065.364 |  | 928.676.990 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 704 | 9.465.547.254 |  | 7.607.268.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 8.077.133.093 |  | 7.566.087.079 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 7 | 509.625.504 |  | 453.567.504 |
| Ban QLDA đường Nam Quảng Nam | 3.339.629.118 |  | 3.040.006.400 |
| Tổng Công ty Sông đà | 734.661.163 |  | - |
| Đối tượng khác | 2.274.903.189 |  | 6.408.776.076 |
| Trả trước cho người bán | 1.733.954.257 |  | 2.302.948.116 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng 199 | - |  | 83.870.230 |
| Chi nhánh xăng dầu Lai Châu | 189.743.700 |  | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mỏ và CN - Vinacomin | 125.000.000 |  | 125.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất TM & Dịch vụ Đại Nguyên | 273.000.000 |  | 273.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn PT Năng lượng Việt Nam. | 840.000.000 |  | 840.000.000 |
| Đối tượng khác | 306.210.557 |  | 981.077.886 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 54.218.954.045 |  | 47.047.828.164 |

1. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu | 4.116.215.000 |  | - |
| Các khoản phải thu khác | 532.454.292 |  | 716.167.476 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 4.648.669.292 |  | 716.167.476 |

1. Hàng tồn kho

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.705.294.965 |  | 5.121.749.166 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 21.801.455.232 |  | 44.485.833.407 |
| *Công trình thủy điện Lai Châu* | *20.202.981.238* |  | *32.572.597.481* |
| *Công trình thủy điện Nậm Chiến* | *-* |  | *5.486.990.720* |
| *Công trình Sơn La* | *-* |  | *5.467.649.940* |
| *Công trình thủy điện Pleikrông* | *-* |  | *328.730.175* |
| *Công trình Nam Quảng Nam* | *-* |  | *500.365.091* |
| *Công trình Bệnh viện Việt Tiệp - Hải Phòng* | *1.545.470.812* |  | *-* |
| *Công trình đường giao thông xã Cổ Đạm* | *-* |  | *129.500.000* |
| *Công trình khác* | *53.003.182* |  | *-* |
|  |  |  |  |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 27.506.750.197 |  | 49.607.582.573 |

1. Chi phí trả trước ngắn hạn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Chi phí trả trước đầu năm | 428.089.276 |  | 90.226.648 |
| Chi phí trả trước phát sinh trong năm | 843.197.945 |  | 975.041.854 |
| Chi phí trả trước phân bổ trong năm | *943.315.592* |  | *637.179.226* |
|  |  |  |  |
| Chi phí trả trước còn phải phân bổ cuối năm | 327.971.629 |  | 428.089.276 |

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | - |  | 1.245.710.203 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa | 16.487.036 |  | - |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra nộp thừa | 25.600.000 |  | - |
|  |  |  |  |
| Cộng | 42.087.036 |  | 1.245.710.203 |

1. Tài sản ngắn hạn khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Văn Phòng | 13.968.313.299 |  | 16.188.254.208 |
| Tạm ứng | 12.966.313.299 |  | 15.186.254.208 |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 1.002.000.000 |  | 1.002.000.000 |
| Xí nghiệp | 1.644.868.983 |  | 1.834.310.784 |
| Tạm ứng | 1.632.868.983 |  | 1.822.310.784 |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 12.000.000 |  | 12.000.000 |
| Công ty con | 1.904.985.484 |  | 2.279.578.218 |
| Tạm ứng | 1.904.985.484 |  | 2.279.578.218 |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | - |  | - |
|  |  |  |  |
| Cộng | 17.518.167.766 |  | 20.302.143.210 |

1. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01 trang 28)
2. Tài sản cố định vô hình

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Khoản mục |  | Quyền  sử dụng dất |  | Phần mềm, thương hiệu |  | Cộng |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Nguyên giá |  |  |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  |  |  | 367.425.000 |  | 367.425.000 |
| Tăng trong năm (\*) |  | 21.839.792.364 |  | - |  | 21.839.792.364 |
| Giảm trong năm |  |  |  | 24.925.000 |  | 24.925.000 |
| Số dư cuối năm |  | 21.839.792.364 |  | 342.500.000 |  | 22.182.292.364 |
| Giá trị hao mòn lũy kế |  |  |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  |  |  | 181.567.813 |  | 181.567.813 |
| Tăng trong năm |  |  |  | 12.307.220 |  | 12.307.220 |
| Khấu hao trong năm |  |  |  | 12.307.220 |  | 12.307.220 |
| Giảm trong năm |  |  |  | - |  | - |
| Số dư cuối năm |  |  |  | 193.875.033 |  | 193.875.033 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Giá trị còn lại |  |  |  | - |  | - |
| Tại ngày đầu năm |  | - |  | 185.857.187 |  | 185.857.187 |
| Tại ngày cuối năm |  | 21.839.792.364 |  | 148.624.967 |  | 21.988.417.331 |

(\*) Giá trị tài sản vô hình tăng trong năm là giá trị thửa đất ở tại đô thị, thời gian sử dụng lâu dài tại Lô C14, ô C2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được sử dụng để xây trụ sở của Công ty.

1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Mua sắm TSCĐ | - |  | 14.800.000 |
| Dự án đất Tân Vạn | - |  | 2.985.243.556 |
| Ban quản lý các dự án ở Hà Nội | - |  | 7.834.795.577 |
| Dự án trụ sở Công ty | - |  | 24.693.629.136 |
| Dự án mỏ đá Nhà Lương - Sông Đà Hồng Lĩnh (\*) | 1.997.641.819 |  | 1.986.299.091 |
| Dự án mỏ đá Núi Chua, tái định cư Cồn Lều (\*) | 3.792.972.413 |  | 2.730.348.202 |
| Sàn giao dịch bất động sản | 29.465.000 |  | 29.465.000 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 5.820.079.232 |  | 40.274.580.562 |

*(\*)* Ngày 18/10/2013 Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 63/S99-HĐQT-NQ, thông qua kế hoạch quý IV/2013 tạm dừng thực hiện dự án mỏ đá Nhà Lương và tạm dừng xin phép cấp phép mỏ đá Núi Chua để tìm kiếm dự án mỏ đã khác cũng trên địa bàn huyện Nghi Xuân để xin UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp lại. Nghị quyết này thực hiện theo chủ trương tại thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc cho phép một doanh nghiệp khác nghiên cứu, khảo sát hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục để lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt triển khai thực hiện đề án xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh. Theo thông báo này đơn vị được giao nhiệm vụ sẽ làm việc với Công ty Cổ phần Sông Đà 909 để dừng khai thác dự án mỏ đá Nhà Lương, khảo sát tại vị trí mới. UBND tỉnh sẽ ưu tiên cho đơn vị có mỏ khảo sát tại vị trí mới. Đồng thời đơn vị được giao nhiệm vụ sẽ phối hợp UBND tỉnh tính toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho Công ty.

Việc lượng hóa sự ảnh hưởng và điều chỉnh sẽ thực hiện sau khi có phê duyệt chính thức dừng dự án, duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

1. Bất động sản đầu tư

*Đơn vị tính : VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục |  | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|  |
| Nguyên giá |  |  |  |  |  |
| Nhà và quyền sử dụng đất |  | 14.556.209.182 | 3.020.157.669 | - | 17.576.366.851 |
| Giá trị hao mòn lũy kế |  |  |  |  |  |
| Nhà và quyền sử dụng đất |  | 748.761.303 | 350.829.048 | - | 1.099.590.351 |
| Giá trị còn lại | | |  |  |  |
| Nhà và quyền sử dụng đất |  | 13.807.447.879 | 2.669.328.621 | - | 16.476.776.500 |

1. Các khoản đầu tư dài hạn khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Đầu tư dài hạn khác | 550.000.000 |  | 550.000.000 |
| *Đầu tư vào khu kinh tế Hải Hà* | *550.000.000* |  | *550.000.000* |
|  |  |  |  |
| Cộng | 550.000.000 |  | 550.000.000 |

(\*) Khoản đầu tư vào Khu kinh tế Hải Hà chưa được đánh giá tổn thất do không thu thập được báo cáo tài chính.

1. Chi phí trả trước dài hạn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Chi phí trả trước đầu năm | 248.788.378 |  | 639.843.314 |
| Chi phí trả trước phát sinh trong năm | 1.985.305.084 |  | 22.627.271 |
| Phân loại lại theo thông tư 45/2013/TT-BTC | 148.254.802 |  | - |
| Chi phí trả trước phân bổ trong năm | 854.396.683 |  | 413.682.207 |
|  |  |  |  |
| Chi phí trả trước còn phải phân bổ cuối năm | 1.527.951.581 |  | 248.788.378 |

1. Vay và nợ ngắn hạn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Vay ngắn hạn | 29.359.211.134 |  | 33.171.448.487 |
| Ngân hàng Liên doanh Lào Việt | - |  | 1.600.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a) | 16.800.873.994 |  | 18.365.619.737 |
| Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (b) | 7.050.415.550 |  | 7.720.230.000 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | - |  | 1.000.000.000 |
| Ngân hàng NN& PT NT Việt Nam (c) | 5.507.921.590 |  | 4.485.598.750 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 64.625.000 |  | 2.309.678.530 |
| Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam | - |  | 1.443.750.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | - |  | 94.500.000 |
| Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Mỹ Đình | 64.625.000 |  | 411.428.530 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | - |  | 360.000.000 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 29.423.836.134 |  | 35.481.127.017 |

1. Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với mục đích vay vốn lưu động phục vụ thi công công trình thủy điện Lai Châu và các hạng mục phụ trợ, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất từ 0,86%-1%/tháng.

Tài sản đảm bảo bao gồm:

* Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm xe ô tô được định giá 401 triệu VNĐ;
* Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm xe ô tô được định giá 131 triệu VNĐ;
* Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm xe ô tô được định giá 40 triệu VNĐ.

Và tài sản đảm bảo của bên thứ ba bao gồm:

* Quyền sở hữu căn hộ được định giá là 3,872 tỷ VNĐ;
* Quyền sử dụng đất với giá trị 25,69 tỷ VNĐ.

1. Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với mục đích bổ sung vốn lưu động (thanh toán lương và mua nguyên vật liệu), thời hạn vay 9 tháng, lãi suất từ 0,88% - 0,92 %/tháng. Khoản vay được đảm bảo hai máy đào thủy lực bánh xích Cat Model 336D và quyền sở hữu căn hộ được định giá là 5,20 tỷ VNĐ.
2. Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 8 tháng, lãi suất 0,96%- 1,25% / tháng. Khoản vay được đảm bảo 5 xe Dongfeng, một máy đào bánh xích Komatsu PC 350-7, một trạm nghiền đá, một máy biến áp 250 KVA, một máy ủi đã qua sử dụng loại Komatsu và 6 xe ô tô Hyundai 15 tấn ben.
3. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Phải trả người bán | 5.098.289.271 |  | 14.169.883.367 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và XD Phước Vạn Lợi | - |  | 3.200.250.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | - |  | 649.385.018 |
| DNTN Cơ giới Việt Thanh | - |  | 290.699.091 |
| Liên đoàn địa chất Bắc Trung Bộ | 238.378.600 |  | 238.378.600 |
| Công ty Xăng dầu Thuỵ Dương | 2.102.832.758 |  | 2.438.546.258 |
| Ga ra ô tô Nguyễn Đăng Thuật | - |  | 2.005.029.000 |
| Doanh nghiệp tư nhân Thanh Lâm | 444.003.497 |  | 1.733.917.957 |
| Xí nghiệp Sông đà 10.6 | 500.000.000 |  | 1.000.000.000 |
| CH Khúc Văn Sơn | 215.604.000 |  | 443.363.000 |
| Công ty TNHH Phúc Tiến | 474.208.000 |  | - |
| Công ty TNHH Đại Minh | 130.596.070 |  | - |
| Cty TNHH Công nghiệp Vạn Bảo | 117.975.000 |  | - |
| Đối tượng khác | 874.691.346 |  | 2.170.314.443 |
| Người mua trả tiền trước | 6.555.474.786 |  | 565.000.000 |
| Xí nghiệp Sông Đà 703 | 500.000.000 |  | 500.000.000 |
| Ban QLDA XDCT Cơ sở 2 - Bệnh niện Việt Tiệp | 2.458.008.079 |  | - |
| Công ty CP ĐTXD Hạ tầng và Khai thác mỏ Tân Việt Bắc | - |  | 65.000.000 |
| Ban điều hành Lai Châu | 3.597.466.707 |  | - |
|  |  |  |  |
| Cộng | 11.653.764.057 |  | 14.734.883.367 |

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Thuế giá trị gia tăng | 8.558.338.128 |  | 7.947.240.227 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (\*) | 747.773.396 |  | - |
| *Trong đó:* |  |  |  |
| *Thuế TNDN nộp thừa đầu năm* | *(1.245.710.203)* |  | - |
| *Thuế TNDN hiện hành trong năm* | *1.058.301.411* |  | - |
| *Thuế TNDN đã nộp trong năm* | *(1.004.818.295)* |  | - |
| *Thuế truy thu theo Quyết định 1157/QĐ-TCT* | *1.940.000.483* |  | - |
|  |  |  |  |
| Cộng | 9.306.111.524 |  | 7.947.240.227 |

(\*) Theo Quyết định số 32331/QĐ-CT-Ttr1 ngày 11/12/2012 của Cục thuế thành phố Hà Nội, Công ty bị truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009 với số tiền là 2,7 tỷ đồng.

Ngày 11/04/2013, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 10498/QĐ-CT-KTNB về việc giải quyết khiếu nại lần thứ nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 giảm số thuế truy thu xuống còn 1,9 tỷ đồng. Trong năm tài chính, Công ty đã hạch toán tăng nghĩa vụ thuế với nhà nước lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển (giá trị ưu đãi miễn giảm thuế đã hạch toán từ năm 2009). Ngày 01/07/2013, Tổng Cục thuế đã ban hành Quyết định số 1157/QĐ-TCT về việc giải quyết đơn khiếu nại của Công ty CP Sông Đà 909 giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 10498/QĐ-CT-KTNB ngày 11/04/2013

Ngày 04/07/2013, Công ty đã gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu bãi bỏ Quyết định 1157/QĐ-TCT này.

Ngày 26/12/2013, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 912/2013/QĐST-HC về việc đưa vụ án hành chính ra xét xử, thời gian xét xử ngày 13/01/2014.

Ngày 07/01/2013, Công ty Cổ phần Sông Đà 909 có công văn gửi Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế đề nghị hủy bỏ công văn số 2924 của Tổng Cục thuế ban hành ngày 29/08/2011 để tháo gỡ chung cho cơ chế, chính sách về ưu đãi giảm 50% thuế TNDN sau khi niêm yết chứng khoán giai đoạn 2004-2006 và Tòa án thành phố Hà Nội có cơ sở giải quyết vụ án hành chính.

Ngày 13/01/2014, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 01/2014/QĐ-HCST về việc hoãn phiên tòa hành chính sơ thẩm ngày 13/01/2014 do người khởi kiện, người bị kiện xin hoãn phiên tòa.

1. Chi phí phải trả

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Công trình cáp quang | - |  | 176.782.617 |
| Công trình Nghi Xuân - Nghệ An | - |  | 269.513.632 |
| Công trình Thủy điện Sê San 4 | - |  | 335.284.655 |
| Công trình Dự án Tái định cư Cồn Lều | 40.000.000 |  | 40.000.000 |
| Chi phí tiền thuê xe | 66.000.000 |  | - |
| Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát | 980.587.724 |  | 877.800.000 |
| Chi phí thuê xe vận chuyển, máy thi công | 270.000.000 |  | 1.278.924.763 |
| Chi phí tạo nguồn cho lao động xuất cảnh | 114.655.300 |  | 114.655.300 |
| Chi phí trích trước khác | 209.102.073 |  | 390.209.951 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 1.680.345.097 |  | 3.483.170.918 |

1. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Kinh phí công đoàn | 689.262.160 |  | 824.486.797 |
| Bảo hiểm xã hội | 283.407.830 |  | 1.458.424.488 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.046.244.242 |  | 1.625.080.115 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 3.018.914.232 |  | 3.907.991.400 |

1. Nguồn vốn chủ sở hữu
2. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02 trang 29)
3. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 31.934.750.000 |  | 31.934.750.000 |
| Vốn góp của các đối tư­ợng khác | 93.034.540.000 |  | 93.034.540.000 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 124.969.290.000 |  | 124.969.290.000 |

1. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Năm nay |  | Năm trước |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | 124.969.290.000 |  | 124.969.290.000 |
| Vốn góp đầu năm | 124.969.290.000 |  | 99.989.600.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - |  | 24.979.690.000 |
| Vốn góp giảm trong năm | - |  | - |
| Vốn góp cuối năm | 124.969.290.000 |  | 124.969.290.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - |  | 24.979.690.000 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | - |  | 14.998.440.000 |
| Cổ phiếu thưởng | - |  | 9.990.534.500 |

1. Cổ phiếu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Năm nay |  | Năm trước |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | - |  | 2.497.969 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra | - |  | 2.497.969 |
| *+ Cổ phiếu phổ thông* | *-* |  | *2.497.969* |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - |  | 12.496.929 |
| *+ Cổ phiếu phổ thông* | *-* |  | *12.496.929* |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.496.929 |  | *-* |
| *+ Cổ phiếu phổ thông* | *12.496.929* |  | *-* |

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ*

1. Các quỹ của doanh nghiệp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Quỹ đầu tư phát triển | 4.230.213.235 |  | 5.169.176.926 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 3.396.354.668 |  | 3.296.250.989 |

1. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Đến ngày 31/12/2013, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001324115 ngày 06/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh có vốn điều lệ 20 tỷ đồng với cơ cấu cổ đông đăng ký góp vốn như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đối tượng | Số tiền (VNĐ) | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Viên Lộc | 4.000.000.000 | 20,00 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 909 | 10.200.000.000 | 51,00 |
| Cổ đông khác | 5.800.000.000 | 29,00 |
| Cộng | 20.000.000.000 | 100,00 |

Theo đăng ký này, Công ty Cổ phần Sông Đà 909 là công ty mẹ và sẽ tham gia góp vốn với giá trị là 10,2 tỷ đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến 31/12/2013, Công ty đã góp 7,33 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh và là cổ đông duy nhất góp vốn cho tới thời điểm này. Như vậy, lợi ích của cổ đông thiểu số bằng 0.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ |  | 140.099.801.750 |  | 122.010.782.722 |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng |  | 140.099.801.750 |  | 122.010.782.722 |

1. Các khoản giảm trừ doanh thu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Các khoản giảm trừ doanh thu |  | 179.895.054 |  | 861.622.604 |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |
| Giảm giá hàng bán |  | 179.895.054 |  | 861.622.604 |

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |  | 139.919.906.696 |  | 121.149.160.118 |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng |  | 139.919.906.696 |  | 121.149.160.118 |

1. Giá vốn hàng bán

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng |  | 103.812.860.950 |  | 92.061.158.817 |
|  |  |  |  |  |
| Cộng |  | 103.812.860.950 |  | 92.061.158.817 |

1. Doanh thu hoạt động tài chính

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Lãi tiền gửi |  | 455.703.568 |  | 244.942.264 |
| Cổ tức còn phải thu |  | 172.000.000 |  | - |
| Doanh thu chứng khoán |  | 239.545.390 |  | 2.638.160.782 |
|  |  |  |  |  |
| Cộng |  | 867.248.958 |  | 2.883.103.046 |

1. Chi phí tài chính

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Chi phí lãi vay |  | 3.727.574.704 |  | 7.056.888.834 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn |  | (1.652.378.138) |  | 1.071.560.547 |
|  |  |  |  |  |
| Cộng |  | 2.075.196.566 |  | 8.128.449.381 |

THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Những thông tin bổ sung trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay  VNĐ |
| Tiền thu từ bán hàng: (MS01) |  | 146.853.130.346 |
| Thu nợ cũ |  | 8.714.850.479 |
| Thu tiền bán hàng trong năm |  | 138.138.279.867 |
|  |  |  |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàn hóa, dịch vụ: (MS02) |  | 53.657.228.151 |
| Trả cho người cung cấp hàng hóa |  | 50.603.437.859 |
| Trả cho người cung câp dịch vụ |  | 3.053.790.292 |
|  |  |  |
| Tiền chi trả lãi vay: (MS 04) |  |  |
| Chi phí lãi vay chưa trả năm trước |  | 66.044.957 |
| Tổng lãi phát sinh phải trả |  | 3.727.574.704 |
| Số đã trả |  | 3.743.814.788 |
| Số còn phải trả |  | 49.804.873 |
|  |  |  |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được: (MS33) |  | 8.714.000.000 |
| Tiền vay ngắn hạn |  | 8.714.000.000 |
| Tiền vay dài hạn |  | - |
|  |  |  |
| Tiền chi trả nợ gốc vay: (MS34) |  | 48.095.429.092 |
| Trả vay ngắn hạn |  | 45.239.500.562 |
| Trả vay dài hạn |  | 2.855.928.530 |

1. Công cụ tài chính
2. Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và các tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tài sản tài chính* | Giá trị ghi sổ | | |
|  |  |  |  |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 24.652.854.061 |  | 9.745.442.273 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 54.880.718.003 |  | 49.508.669.009 |
| Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn | 2.772.290.000 |  | 4.823.700.000 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 82.305.862.064 |  | 64.077.811.282 |
| *Công nợ tài chính* | Giá trị ghi sổ | | |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Các khoản vay | 29.423.836.134 |  | 36.092.002.017 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 8.117.203.503 |  | 18.077.874.767 |
| Chi phí phải trả | 1.680.345.097 |  | 3.483.170.918 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 39.221.384.734 |  | 57.653.047.702 |

1. Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa áp dụng các biện pháp về phòng ngửa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

1. Giá trị hợp lý

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2013, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã xem xét trích lập dự phòng các khoản rủi ro này trong năm.

1. Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn, cụ thể:

Tài sản tài chính

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số cuối năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 24.652.854.061 |  | - |  | 24.652.854.061 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 54.880.718.003 |  | - |  | 54.880.718.003 |
| Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn | 2.222.290.000 |  | 550.000.000 |  | 2.772.290.000 |
|  |  |  |  |  |  |
| Cộng | 81.755.862.064 |  | 550.000.000 |  | 82.305.862.064 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số đầu năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.745.442.273 |  | - |  | 9.745.442.273 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 49.508.669.009 |  | - |  | 49.508.669.009 |
| Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn | 4.273.700.000 |  | 550.000.000 |  | 4.823.700.000 |
|  |  |  |  |  |  |
| Cộng | 63.527.811.282 |  | 550.000.000 |  | 64.077.811.282 |

*Công nợ tài chính*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số cuối năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Các khoản vay | 29.423.836.134 |  | - |  | 29.423.836.134 |
| Phải trả khách hàng và phải trả khác | 8.117.203.503 |  | - |  | 8.117.203.503 |
| Chi phí phải trả | 1.680.345.097 |  | - |  | 1.680.345.097 |
|  |  |  |  |  |  |
| Cộng | 39.221.384.734 |  | - |  | 39.221.384.734 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số đầu năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Các khoản vay | 35.481.127.017 |  | 610.875.000 |  | 36.092.002.017 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 18.077.874.767 |  | - |  | 18.077.874.767 |
| Chi phí phải trả | 3.483.170.918 |  | - |  | 3.483.170.918 |
|  |  |  |  |  |  |
| Cộng | 57.042.172.702 |  | 610.875.000 |  | 57.653.047.702 |

1. Rủi ro thị trường

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ…. có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Tiền và các khoản tương đương tiền | | |
|  | Số cuối năm  VNĐ |  | Số đầu năm  VNĐ |
|  |  |  |  |
| Đô la Mỹ | 13.773.217 |  | 14.038.625 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 13.773.217 |  | 14.038.625 |

*Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Các khoản đầu tư này được nắm giữ không nhằm mục đích kinh doanh mà phục vụ chiến lược phát triển lâu dài.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu rủi ro khi có sự biến động tăng giá của giá bán nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty chưa áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro của nghiệp vụ này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA).

1. Quyết toán thuế

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tổng Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu

*(đã ký) (đã ký) (đã ký)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Phan Mạnh Hiệp Chu Danh Phương Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Phụ lục 01: Tài sản cố định hữu hình

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục |  | Nhà cửa,  vật kiến trúc |  | Máy móc  thiết bị |  | Phương tiện vận tải, truyền dẫn |  | Thiết bị dụng cụ quản lý |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nguyên giá |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  | - |  | 36.446.022.443 |  | 36.637.873.836 |  | 1.107.583.939 |  | 74.191.480.218 |
| Tăng trong năm |  | 7.107.510.789 |  | 252.590.909 |  | - |  | 109.651.500 |  | 8.046.574.044 |
| *XDCB chuyển giao* |  | *7.107.510.789* |  | *163.636.364* |  | *-* |  | *109.651.500* |  | *7.957.619.499* |
| *Mua sắm mới* |  | *-* |  | *88.954.545* |  | *-* |  |  |  | *88.954.545* |
| Giảm trong năm |  | *-* |  | (246.491.688) |  | (57.771.363) |  | (819.042.065) |  | (1.123.305.116) |
| *Giảm khác (\*)* |  | *-* |  | *(246.491.688)* |  | *(57.771.363)* |  | *(819.042.065)* |  | *(1.123.305.116)* |
| Số dư cuối năm |  | 7.107.510.789 |  | 36.452.121.664 |  | 36.580.102.473 |  | 398.193.374 |  | 80.537.928.300 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giá trị hao mòn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  | - |  | 27.788.971.175 |  | 28.188.063.366 |  | 849.439.390 |  | 56.826.473.931 |
| Tăng trong năm |  | 161.986.210 |  | 2.844.689.314 |  | 2.739.032.173 |  | 44.797.039 |  | 5.790.504.736 |
| *Khấu hao trong năm* |  | *161.986.210* |  | *2.844.689.314* |  | *2.739.032.173* |  | *44.797.039* |  | *5.790.504.736* |
| Giảm trong năm |  | - |  | (364.835.518) |  | (38.433.497) |  | (591.958.640) |  | (995.227.655) |
| *Giảm khác (\*)* |  | *-* |  | *(364.835.518)* |  | *(38.433.497)* |  | *(591.958.640)* |  | *(995.227.655)* |
| Số dư cuối năm |  | 161.986.210 |  | 30.268.824.971 |  | 30.888.662.042 |  | 302.277.789 |  | 61.621.751.012 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giá trị còn lại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tại ngày đầu năm |  | - |  | 8.657.051.268 |  | 8.449.810.470 |  | 258.144.549 |  | 17.365.006.287 |
| Tại ngày cuối năm |  | 6.945.524.579 |  | 6.183.296.693 |  | 5.691.440.431 |  | 95.915.585 |  | 18.916.177.288 |

Tài sản mang đi cầm cố thế chấp bao gồm:

* *Thế chấp 5 xe Dong feng theo hợp đồng thế chấp số 01/07/OTO, xe Ford Everest 7 chỗ và xe Hyundai Santafe 7 chỗ theo hợp đồng thế chấp 20/08/OTO, xe INNOVA 8 chỗ theo hợp đồng thế chấp 20/07/OTO tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho khoản vay 20.742.143.080 VNĐ.*
* *Thế chấp 5 xe Dong feng theo hợp đồng thế chấp 1400-LCL-200800249, 1 máy đào bánh xích Komatsu PC 350-07, 1 trạm nghiền đá 20m3/h , 1 máy biến áp 250KVA, 1 máy ủi đã qua sử dụng và 6 xe ô tô Hyundai 15 tấn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho khoản vay 4.340.906.275 VNĐ.*
* *Thế chấp 2 máy đào thủy lực bánh xích Cat Model 336D tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho khoản vay 7.139.669.000 VNĐ.*
* *Thế chấp xe Transinco 34 chỗ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cho khoản vay 94.500.000 VNĐ.*
* *Thế chấp xe ô tô 7 chỗ Toyota Prado tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam cho khoản vay 679.000.000VNĐ.*

(\*) Giảm trong năm: Ghi giảm giá trị nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn về giá trị theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Phụ lục 02: Vốn chủ sở hữu

1. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Vốn đầu tư  của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư  phát triển | Quỹ dự phòng  tài chính | Lợi nhuận  chưa phân phối | Thặng dư  vốn cổ phần | Cộng |
| Số dư đầu năm trước | 103.689.600.000 | 15.159.711.426 | 3.296.250.989 | 15.865.168.300 | 982.166.000 | 138.992.896.715 |
| Tăng vốn trong năm trước | 21.279.690.000 | - | - | - | - | 21.279.690.000 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 2.146.073.583 | - | 2.146.073.583 |
| Trả cổ tức , cổ phiếu thưởng năm trước | - | (9.990.534.500) | - | (14.998.440.000) | - | (24.988.974.500) |
| Giảm khác trong năm trước | - | - | - | (198.615.969) | - | (198.615.969) |
| Số dư cuối năm trước | 124.969.290.000 | 5.169.176.926 | 3.296.250.989 | 2.814.185.914 | 982.166.000 | 137.231.069.829 |
| Số dư đầu năm nay | 124.969.290.000 | 5.169.176.926 | 3.296.250.989 | 2.814.185.914 | 982.166.000 | 137.231.069.829 |
| Tăng vốn trong năm nay | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 2.386.416.183 | - | 2.386.416.183 |
| Tăng khác | - | - | - | 330.719.004 | - | 330.719.004 |
| Trích lập các quỹ | - | 1.001.036.792 | 100.103.679 | - | - | 1.101.140.471 |
| Giảm khác (\*) | - | (1.940.000.483) | - | (2.304.610.581) | - | (4.244.611.064) |
| Số dư cuối năm nay | 124.969.290.000 | 4.230.213.235 | 3.396.354.668 | 3.226.710.520 | 982.166.000 | 136.804.734.423 |

* Lợi nhuận chưa phân phối tăng 330.719.004 VNĐ do Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh hạch toán giảm lỗ năm 2011, 2012 theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế số 529/QĐ-CT ngày 17/05/2013 (giảm chi phí trong kỳ tăng chi phí XDCBDD).
* Lợi nhuận chưa phân phối giảm 2.304.610.581VNĐ, chi tiết như sau:

*Đơn vị :VNĐ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quỹ đầu tư phát triển | | 1.001.036.792 |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 100.103.679 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 935.933.110 |
| Trích trước thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách | | 264.000.000 |
| Tiền thuế TNDN, phạt hành chính tại Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh theo quyết định số 803/QĐ-CT ngày 05/06/2013 của Cục thuế Hà Tĩnh | | 3.537.000 |
| Cộng | 2.304.610.581 | | |

*Việc trích lập các quỹ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/S99-ĐHCĐ-NQ ngày 03/05/2013.*

(\*) Giảm quỹ đầu tư phát triển do hoàn nhập lại phần ưu đãi thuế được miễn giảm đã hạch toán trích quỹ năm 2009 (thuyết minh số 19).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty  TỔNG GIÁM ĐỐC  Phan Mạnh Hiệp |